

Tập 87 Số 857 Tháng 3-2005

# INTERNATIONAL **REVIEW** of the Red Cross

**Customary law**  
**Pháp luật tập quán**



**ICRC**

## Mục tiêu và phạm vi

Tạp san quốc tế Chũ thập đỏ là một tạp san định kỳ do ICRC xuất bản. Mục đích là thúc đẩy các suy nghĩ về pháp luật nhân đạo, về chính sách và hành động trong xung đột vũ trang và trong các tình huống có bạo loạn vũ trang tập thể. Là một tạp san chuyên về pháp luật nhân đạo, nó nỗ lực tăng cường việc hiểu biết, phân tích phê phán và phát triển ngành luật này và góp phần ngăn chặn việc vi phạm các quy tắc bảo vệ những quyền và giá trị cơ bản. Tạp san là một diễn đàn thảo luận về hành động nhân đạo đương thời và phân tích các nguyên nhân và các đặc trưng của những cuộc xung đột nhằm làm rõ những vấn đề nhân đạo phát sinh. Cuối cùng, Tạp san mang đến cho người đọc những thông tin liên quan đến Phong trào Chũ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế và đặc biệt là về các hoạt động và chủ trương của ICRC.

## Ủy ban Chũ thập đỏ quốc tế

Ủy ban Chũ thập đỏ quốc tế (ICRC) là một tổ chức vô tư, trung lập và độc lập mà nhiệm vụ nhân đạo duy nhất là bảo vệ cuộc sống và nhân phẩm các nạn nhân của chiến tranh và bạo loạn nội bộ và giúp đỡ họ.

Ủy ban chỉ đạo và phối hợp các hoạt động cứu trợ quốc tế của Phong trào trong trường hợp xung đột. Ủy ban cũng cố gắng ngăn ngừa khổ đau bằng việc đề xướng và phát triển pháp luật nhân đạo quốc tế và các nguyên tắc nhân đạo phổ biến.

Được thành lập năm 1863 Ủy ban là nguồn gốc của Phong trào Chũ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

## Members of the Committee

President: Jakob Kellenberger

Vice-President: Anne Petitpierre

Permanent Vice-President: Jacques Forster

Jean Abt

Jean-Philippe Assal

Christine Beerli

Paolo Bernasconi

Ernst A. Brugger

Susy Bruschweiler

Jean de Courten

Paola Ghillani

Claude Le Coultre

Jacques Moreillon

Gabrielle Nanchen

Yves Sandoz

Daniel Thürer

Olivier Vodoz

André von Moos

## Editor-in-Chief

Toni Pfanner  
ICRC

## Editorial Board

Ahmed Abou El-Wafa  
Cairo University, Egypt

Daniel Bar-Tal  
Tel Aviv University, Israel

Annette Becker  
Université Paris X, France

Antônio Cançado Trindade  
University of Brasilia, Brazil

Marika Fahlen  
Ministry for Foreign Affairs, Stockholm,  
Sweden

Bernard Haykel  
New York University, USA

V. S. Mani  
Gujarat Law University, Gandhinagar,  
Gujarat, India

Herfried Münkler  
Humboldt University, Berlin, Germany

Mona Rishmawi  
Office of the United Nations High  
Commissioner for Human Rights, Geneva

Elizabeth Salmón Gárate  
Pontificia Universidad Católica del Perú,  
Lima, Perú

Marco Sassòli  
University of Geneva, Switzerland

Michael N. Schmitt  
George C. Marshall European Center for  
Security Studies, Garmisch Partenkirchen,  
Germany

Terence Taylor  
International Institute for Strategic Studies,  
London/Washington DC, UK/USA

Bakhtiyar R. Tuzmukhamedov  
Diplomatic Academy, Moscow, Russian  
Federation

Wen-qi Zhu  
Law School, Renmin University of China,  
Beijing, People's Republic of China

## Nghiên cứu về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế: Góp phần vào việc hiểu biết và tôn trọng quy tắc luật trong xung đột vũ trang

### Jean-Marie Henckaerts\*

Jean-Marie Henckaerts là cố vấn pháp lí tại Ban Pháp lí của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế và chủ nhiệm dự án của ICRC về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế. Mới đây ông đã cùng với Louise Doswald-Beck biên tập một công trình gồm hai tập về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế, được Cambridge University Press xuất bản.

### Tóm lược

*Tài liệu này giải thích nguyên nhân dẫn đến việc nghiên cứu về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế mà ICRC tiến hành vừa qua theo yêu cầu của Hội nghị quốc tế Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ. Tài liệu cũng mô tả phương pháp và cách tổ chức nghiên cứu, đồng thời tóm tắt một số kết quả chủ yếu. Tuy nhiên, nó không có ý cung cấp một bản khái quát hoặc phân tích đầy đủ về các kết quả nghiên cứu.*

.....

### Dẫn nhập

Trong 50 năm qua kể từ khi các Công ước Gionevơ 1949 được thông qua, nhân loại đã trải qua một số đáng kể các xung đột vũ trang ảnh hưởng hầu hết các châu lục. Trong suốt thời gian đó, bốn Công ước Gionevơ và các Nghị định thư bổ sung năm 1977 đã cung cấp sự bảo hộ về pháp lí đối với những người không trực tiếp tham gia chiến sự hoặc không còn tham gia chiến sự (người bị thương, bị bệnh, bị đắm tàu,

---

\* Tác giả cảm ơn Eric Mongelard đã giúp đỡ việc chuẩn bị tài liệu này, cũng như Louise Doswald-Beck và các đồng sự tại Ban Pháp lí đã góp nhiều ý kiến sâu sắc. Các quan điểm trong tài liệu này là của tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế.

người bị mất quyền tự do vì những lí do liên quan đến xung đột vũ trang, và dân thường). Dù vậy, đã xảy ra nhiều vi phạm đối với các hiệp ước đó, hậu quả là gây đau thương và chết chóc, mà lẽ ra đã có thể tránh được nếu pháp luật nhân đạo quốc tế được tôn trọng tốt hơn.

Ý kiến chung là những vi phạm đối với pháp luật nhân đạo quốc tế không phải do các quy tắc có thiếu sót. Đúng hơn là chúng xuất phát từ sự thiếu thiện chí không muốn tôn trọng các quy tắc, từ những phương tiện thực thi không đầy đủ, từ việc áp dụng thiếu rõ ràng trong một số tình huống và từ sự thiếu nhận thức bởi các nhà lãnh đạo chính trị, các cấp chỉ huy, các chiến binh và công chúng nói chung.

Hội nghị quốc tế về bảo vệ nạn nhân chiến tranh, được triệu tập tại Gionevơ trong các tháng 8 và 9 năm 1993, đã đặc biệt thảo luận về những cách thức để đối phó với các vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế, nhưng đã không đề xuất việc thông qua những điều khoản hiệp ước mới. Thay vào đó, trong Tuyên bố cuối cùng được thông qua bằng sự đồng thuận, Hội nghị đã tái khẳng định "sự cần thiết phải làm cho việc thực hiện pháp luật nhân đạo có hiệu quả hơn" và kêu gọi chính phủ Thụy Sĩ "triệu tập một nhóm chuyên gia liên chính phủ mở rộng để nghiên cứu những phương tiện thực tiễn nhằm thúc đẩy việc tôn trọng và tuân thủ đầy đủ luật này, và để chuẩn bị một báo cáo trình các Quốc gia và khoá họp tiếp theo của Hội nghị quốc tế Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ."<sup>1</sup>

Nhóm chuyên gia liên chính phủ về bảo vệ nạn nhân chiến tranh đã họp tại Gionevơ tháng 1-1995 và thông qua một loạt các khuyến cáo nhằm tăng cường việc tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế, đặc biệt là bằng những biện pháp phòng bị để đảm bảo hiểu biết luật tốt hơn và thực hiện luật có hiệu quả hơn. Khuyến cáo II của Nhóm chuyên gia liên chính phủ đề nghị là:

Mời ICRC (Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế), cùng với sự giúp đỡ của các chuyên gia về LNDQT (luật nhân đạo quốc tế) đại diện cho các vùng địa lí và các hệ thống pháp lí khác nhau, và có tham vấn các chuyên gia của các chính phủ và các tổ chức quốc tế, đứng ra chuẩn bị một báo cáo về những quy tắc tập quán của LNDQT áp dụng trong

---

<sup>1</sup> Hội nghị quốc tế về bảo vệ nạn nhân chiến tranh, Gionevơ, 30 tháng 8 – 1 tháng 9 năm 1993, Tuyên bố cuối cùng, *International Review of the Red Cross*, số 296, 1993, tr.381.

các xung đột vũ trang quốc tế và không mang tính quốc tế, và chuyên báo cáo đó đến các Quốc gia và các cơ quan quốc tế có thẩm quyền.<sup>2</sup>

Tháng 12-1995, Hội nghị quốc tế Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ lần thứ 26 tán thành khuyến cáo này và chính thức ủy nhiệm ICRC chuẩn bị một báo cáo về các quy tắc tập quán của LNDQT áp dụng trong xung đột vũ trang quốc tế và không mang tính quốc tế.<sup>3</sup> Gần mười năm sau, vào năm 2005, sau những khảo cứu sâu rộng và có tham vấn rộng rãi với các chuyên gia, bản báo cáo này đã được công bố và nay được gọi là báo cáo nghiên cứu về luật tập quán nhân đạo quốc tế.<sup>4</sup>

## Mục đích

Mục đích của công trình nghiên cứu về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế là nhằm khắc phục một số vấn đề liên quan đến việc áp dụng pháp luật hiệp ước nhân đạo quốc tế. Pháp luật hiệp ước đã phát triển tốt và bao quát nhiều khía cạnh của chiến tranh, cho phép bảo vệ một số thành phần con người trong thời gian chiến tranh và hạn chế các phương tiện và phương thức chiến tranh được phép sử dụng. Các Công ước Gionevơ và các Nghị định thư bổ sung đã thiết lập một chế độ bao quát để bảo vệ những người không trực tiếp tham gia hoặc không còn tham gia chiến sự. Việc điều chỉnh các phương tiện và phương thức chiến tranh trong luật hiệp ước đã có một quá trình bắt đầu bằng Tuyên bố Xanh-Pê-téc-bua năm 1868, các bản Điều lệ La-hay 1899 và 1907, và Nghị định thư Gionevơ 1925 về khí độc, và gần đây đã được đề cập trong Công ước 1972 về vũ khí sinh học, các Nghị định thư bổ sung 1977, Công ước 1980 về một số vũ khí thông thường cùng với năm Nghị định thư đi kèm, Công ước 1993 về vũ khí hoá học, và Công ước Ô-ta-oa 1997 về mìn sát thương. Nội dung bảo vệ

<sup>2</sup> Cuộc họp của Nhóm chuyên gia liên chính phủ về bảo vệ nạn nhân chiến tranh, Gionevơ, 23-27 tháng 1 năm 1995, Khuyến cáo II, *International Review of the Red Cross*, số 310, 1996, tr.84.

<sup>3</sup> Hội nghị quốc tế Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ lần thứ 26, Gionevơ, 3-7 tháng 12 năm 1995, Nghị quyết 1, Luật nhân đạo quốc tế: Từ luật pháp đến hành động; Báo cáo về diễn biến tiếp theo Hội nghị quốc tế về bảo vệ nạn nhân chiến tranh, *International Review of the Red Cross*, số 310, 1996, tr.58.

<sup>4</sup> Jean-Marie Henckaerts and Louise Doswald-Beck, Luật tập quán nhân đạo quốc tế, 2 tập, Tập I. Các Quy tắc, Tập II. Thực tiễn (2 phần), Cambridge University Press, 2005.

tài sản văn hoá trong tình huống xung đột vũ trang đã được quy định chi tiết trong Công ước La-hay 1954 và hai Nghị định thư đi kèm. Quy chế năm 1998 về Toà án Hình sự quốc tế có bao gồm một danh sách các tội ác chiến tranh phải chịu sự xét xử của Toà án này.

Tuy nhiên, có hai trở ngại nghiêm trọng cho việc áp dụng các hiệp ước này trong những xung đột vũ trang hiện nay, và nó giải thích tại sao một công trình nghiên cứu về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế là cần thiết và có ích lợi. Một là, các hiệp ước chỉ áp dụng cho những Quốc gia đã phê chuẩn chúng. Điều này có nghĩa là những hiệp ước khác nhau về LNDQT được áp dụng trong những vụ xung đột vũ trang khác nhau tùy thuộc vào các Quốc gia liên quan đã phê chuẩn những hiệp ước nào. Trong khi bốn Công ước Gionevơ 1949 đã được phê chuẩn toàn cầu thì tình hình lại khác đối với các hiệp ước khác về luật nhân đạo, chẳng hạn như các Nghị định thư bổ sung. Mặc dù Nghị định thư I đã được hơn 160 Quốc gia phê chuẩn, hiệu quả của nó ngày nay bị hạn chế bởi vì có nhiều Quốc gia dính líu vào những xung đột vũ trang quốc tế lại không phải là thành viên của văn kiện này. Tương tự như vậy, trong khi gần 160 Quốc gia đã phê chuẩn Nghị định thư II, thì nhiều Quốc gia chưa phê chuẩn, mà ở đó lại đang diễn ra những xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Trong những vụ xung đột vũ trang không mang tính quốc tế này, thường thì Điều 3 chung cho bốn Công ước Gionevơ là điều khoản duy nhất về hiệp ước nhân đạo có thể áp dụng. Do đó mục đích thứ nhất của công trình nghiên cứu là xác định những quy tắc nào của LNDQT thuộc về pháp luật tập quán quốc tế và từ đó có thể áp dụng cho tất cả các bên trong cuộc xung đột, bất kể là họ đã có phê chuẩn hay không các hiệp ước có chứa đựng những quy tắc giống như vậy hoặc tương tự.

Hai là, pháp luật hiệp ước nhân đạo không quy định một cách chi tiết và đầy đủ đối với phần lớn các xung đột vũ trang hiện nay, nghĩa là các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, bởi vì những xung đột này chịu sự chi phối của các quy tắc hiệp ước ít hơn nhiều so với các xung đột quốc tế. Chỉ có một số ít hiệp ước là áp dụng cho các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, cụ thể là Công ước (đã được sửa đổi) về một số vũ khí thông thường, Quy chế về Toà án Hình sự quốc tế, Công ước Ô-ta-oa cấm mìn sát thương, Công ước về vũ khí hoá học, Công ước La-hay về bảo vệ tài sản văn hoá cùng với Nghị định thư số 2 của nó, và như đã nêu, Nghị định thư bổ sung II và Điều 3 chung cho bốn Công ước Gionevơ. Trong khi Điều 3 chung có

tầm quan trọng cơ bản, nó chỉ đưa ra một khuôn khổ thô sơ gồm những chuẩn mực tối thiểu. Nghị định thư bổ sung II mang đến những bổ sung có ích cho Điều 3 chung, nhưng vẫn không chi tiết bằng những quy tắc điều chỉnh các xung đột vũ trang quốc tế trong các Công ước Gionevơ và Nghị định thư bổ sung I.

Nghị định thư bổ sung II chỉ bao gồm 15 điều khoản thực định (substantive articles), trong khi Nghị định thư bổ sung I có đến hơn 80 điều khoản. Mặc dù chỉ riêng những con số thì không kể hết được câu chuyện, chúng vẫn chỉ cho ta thấy sự cách biệt đáng kể trong mức độ điều chỉnh bởi luật hiệp ước giữa xung đột vũ trang quốc tế và xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, nhất là khi xem xét các quy tắc và định nghĩa chi tiết. Do đó, mục đích thứ hai của công trình nghiên cứu là xác định liệu pháp luật tập quán quốc tế có điều chỉnh xung đột vũ trang không mang tính quốc tế một cách chi tiết hơn so với pháp luật hiệp ước, và nếu có, thì đến mức độ nào.

## Phương pháp

Quy chế về Toà án Công lí quốc tế mô tả luật tập quán quốc tế như là "một thực tiễn bao quát được chấp nhận là luật".<sup>5</sup> Người ta đã đồng ý một cách rộng rãi là sự tồn tại của một quy tắc về luật tập quán quốc tế đòi hỏi phải có mặt hai yếu tố, cụ thể là thực tiễn Nhà nước (*usus*) và sự tin tưởng rằng thực tiễn đó là cần thiết, bị cấm đoán hoặc được cho phép, tùy thuộc vào bản chất của quy tắc, về mặt luật pháp (*opinio juris sive necessitatis*). Như Toà án Công lí quốc tế đã phát biểu trong vụ *Thềm lục địa (Continental Shelf case)*: "Điều hiển nhiên là phải tìm kiếm chất liệu của pháp luật tập quán quốc tế trước tiên trong thực tiễn có thật và *opinio juris* của các Quốc gia."<sup>6</sup> Ý nghĩa chính xác và nội dung của hai yếu tố nói trên đã trở thành chủ đề của nhiều bài viết về học thuật. Nhằm xác định liệu có tồn tại một quy tắc thuộc pháp luật tập quán quốc tế tổng quát, công trình nghiên cứu này vận dụng phương pháp cổ điển, mà Toà án Công lí quốc tế đã xác định, đặc biệt là trong các vụ *Thềm lục địa Biển Bắc*<sup>7</sup>.

<sup>5</sup> Quy chế về Toà án Công lí quốc tế, Điều 38(1)(b).

<sup>6</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Vụ Thềm lục địa (Libyan Arab Jamahiriya kiện Malta)*, Phán quyết, 3 tháng 6 năm 1985, ICJ Reports 1985, trg. 29–30, § 27.

<sup>7</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Các Vụ Thềm lục địa Biển Bắc*, Phán quyết, 20 tháng 2 năm 1969, ICJ Reports 1969, p. 3.

## Thực tiễn Nhà nước

Thực tiễn Nhà nước phải được xem xét từ hai góc độ: một là, thực tiễn nào góp phần vào việc hình thành luật tập quán quốc tế (lựa chọn thực tiễn Nhà nước); và hai là, liệu thực tiễn đó có thiết lập một quy tắc của luật tập quán quốc tế (đánh giá thực tiễn Nhà nước).

### *Lựa chọn thực tiễn Nhà nước*

Cả những hành động vật chất lẫn ngôn từ của các Nhà nước đều cấu thành tập quán góp phần vào việc hình thành pháp luật tập quán quốc tế. Những hành động vật chất bao gồm, chẳng hạn, lối ứng xử trên chiến trường, việc sử dụng một số vũ khí và cách đối xử dành cho những thành phần con người khác nhau. Những hành động có tính ngôn từ bao gồm binh thư, luật pháp quốc gia, án lệ quốc gia, các chỉ thị ban hành cho lực lượng vũ trang và an ninh, các thông cáo của quân đội trong thời chiến, các phản kháng về ngoại giao, ý kiến của các cố vấn pháp lí chính thức, bình luận của chính phủ về các dự thảo hiệp ước, các điều lệ và quyết định về hành pháp, các nội dung biên hộ trước những toà án quốc tế, các tuyên bố ở những diễn đàn quốc tế, và các quan điểm của chính phủ đối với những nghị quyết được các tổ chức quốc tế thông qua. Danh sách này cho ta thấy là thực tiễn đặt ra bởi các cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp của một Quốc gia có thể góp phần vào việc hình thành pháp luật tập quán quốc tế.

Việc đàm phán và thông qua những nghị quyết bởi các tổ chức hoặc hội nghị quốc tế, cùng với những giải thích về bỏ phiếu, đều là những hành động của các Quốc gia có liên quan. Người ta thừa nhận rằng, ngoài một vài ngoại lệ, thì thông thường các nghị quyết tự bản thân không mang tính ràng buộc và, do đó, giá trị dành cho bất kì nghị quyết đặc biệt nào trong việc đánh giá sự hình thành một quy tắc của luật tập quán quốc tế tùy thuộc vào nội dung, mức độ được chấp nhận và tính nhất quán của thực tiễn Nhà nước có liên quan.<sup>8</sup> Mức độ ủng hộ nghị quyết càng cao thì nó có tầm quan trọng càng lớn.

---

<sup>8</sup> Toà án Công lí quốc tế đã nhấn mạnh tầm quan trọng của những điều kiện đó, *Legality of the Threat or Use of Nuclear Weapons (Tính hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân)*, Advisory Opinion, 8 tháng 7 năm 1996, ICJ Reports 1996, trg. 254–255, §§ 70–73.



Mặc dù các quyết định của các toà án quốc tế là những nguồn phụ trợ của luật quốc tế,<sup>9</sup> chúng lại không cấu thành thực tiễn Nhà nước. Đó là bởi vì, không giống như toà án quốc gia, các toà án quốc tế không phải là cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên, quyết định của các toà án quốc tế có ý nghĩa quan trọng bởi vì việc một toà án quốc tế tuyên là một quy tắc của luật tập quán quốc tế có tồn tại sẽ là một chứng cứ đầy thuyết phục cho sự tồn tại đó. Hơn nữa, do các quyết định của toà án quốc tế có giá trị gây tiền lệ, nên các toà án quốc tế cũng có thể góp phần vào sự xuất hiện của một quy tắc thuộc luật tập quán quốc tế bằng cách ảnh hưởng đến thực tiễn sau đó của các Quốc gia và các tổ chức quốc tế.

Thực tiễn của các nhóm chống đối có vũ trang, như là các quy tắc ứng xử, các cam kết tuân theo một số quy tắc của luật nhân đạo quốc tế và những tuyên bố khác, lại không cấu thành thực tiễn Nhà nước theo đúng nghĩa của nó. Mặc dù thực tiễn đó có thể là bằng chứng việc chấp nhận một số quy tắc trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, ý nghĩa pháp lí của nó lại không rõ ràng và hệ quả là không thể căn cứ vào thực tiễn đó để chứng minh sự tồn tại của luật tập quán quốc tế. Những ví dụ về kiểu thực tiễn này được liệt kê ở mục "thực tiễn khác" trong Tập II của công trình nghiên cứu.

### *Đánh giá thực tiễn Nhà nước*

Thực tiễn Nhà nước phải được đánh giá xem liệu nó có đủ "đậm" để tạo ra một quy tắc luật tập quán quốc tế.<sup>10</sup> Để thiết lập một quy tắc luật tập quán quốc tế, thực tiễn Nhà nước phải hầu như thuần nhất, có nhiều và tiêu biểu (uniform, extensive and representative).<sup>11</sup> Chúng ta hãy xem xét ý nghĩa của những điều này.

Trước hết, để thực tiễn Nhà nước tạo ra được một quy tắc luật tập quán quốc tế, nó phải *hầu như thuần nhất*. Các Quốc gia không được tiến hành những cách cư xử khác nhau về cơ bản. Án lệ của Toà án Công lí quốc tế cho thấy là một thực tiễn trái ngược, nếu thoạt nhìn thì dường như huỷ hoại tính nhất quán của thực tiễn có liên quan, lại không cản trở sự hình thành của một quy tắc luật tập quán quốc tế,

<sup>9</sup> Quy chế của Toà án Công lí quốc tế, Điều 38(1)(d).

<sup>10</sup> Từ "đậm" (dense) trong ngữ cảnh này là của Sir Humphrey Waldock, "General Course on Public International Law" (Bài giảng đại cương về Công pháp quốc tế), *Collected Courses of the Hague Academy of International Law (Tập hợp các bài giảng của Học viện Luật quốc tế La-hay)*, Tập 106, 1962, tr. 44.

<sup>11</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Các vụ Thềm lục địa Biển Bắc*, sdd. (note 7), tr. 43, § 74.

miễn là thực tiễn trái ngược đó bị các Quốc gia khác lên án hoặc bị bản thân chính phủ đó phủ nhận. Bằng sự lên án hoặc phủ nhận như vậy, quy tắc đó đã thực sự được khẳng định.<sup>12</sup>

Điều này đặc biệt thích đáng đối với một số các quy tắc về luật nhân đạo quốc tế mà ở đó ta thấy có nhiều chứng cứ áp đảo về một thực tiễn Nhà nước ủng hộ một quy tắc, song song với nhiều chứng cứ tái diễn về những vụ vi phạm chính quy tắc đó. Khi một bên liên quan tìm cách bào chữa hoặc biện minh cho những vụ việc vi phạm và/hoặc các Quốc gia khác lên án những vi phạm đó, thì chúng không phải là một thách thức đối với sự tồn tại của quy tắc có liên quan. Các Quốc gia khi có ý muốn thay đổi một quy tắc hiện hữu của luật tập quán quốc tế thì phải hành động thông qua thực tiễn chính thức và phải cho là mình hành động đúng pháp luật.

Thứ hai là, để cho một quy tắc luật tập quán quốc tế phổ thông được hình thành, thực tiễn Nhà nước có liên quan phải *có nhiều và tiêu biểu*. Tuy nhiên, nó không cần phải có tính toàn cầu; một thực tiễn mang tính "phổ thông" là đủ.<sup>13</sup> Không cần phải có một con số hoặc tỉ lệ chính xác các Quốc gia. Một lí do khiến không thể có con số chính xác về mức độ tham gia cần thiết là bởi tiêu chí mang tính *chất lượng* hơn là số lượng. Nói cách khác, vấn đề không phải đơn thuần ở chỗ có bao nhiêu Quốc gia tham gia thực tiễn đó, mà còn là những Quốc gia nào.<sup>14</sup> Nói theo ngôn từ của Toà án Công lí Quốc tế trong *Các Vụ về Thềm lục địa Biển Bắc*, thì thực tiễn đó phải "bao gồm cả thực tiễn của những Quốc gia mà các quyền lợi đặc biệt có liên quan."<sup>15</sup>

Điều này dẫn đến hai hệ quả: (1) nếu tất cả "những Quốc gia đặc biệt có liên quan" được thể hiện, thì không nhất thiết là đa số các Quốc gia phải có tích cực tham gia, nhưng ít ra họ cũng phải đồng ý

---

<sup>12</sup> Xem Toà án Công lí quốc tế, *Vụ việc liên quan đến các hoạt động quân sự và bán quân sự tại Nicaragua và chống lại nước này (Nicaragua kiện Mỹ)*, Merits, Judgment, 27 tháng 6 năm 1986, ICJ Reports 1986, tr. 98, § 186.

<sup>13</sup> International Law Association, Final Report of the Committee on the Formation of Customary (General) International Law, Statement of Principles Applicable to the Formation of General Customary International Law, Report of the Sixty-Ninth Conference, London, 2000, Principle 14, tr. 734 (sau đây gọi tắt là "ILA Report").

<sup>14</sup> Như trên, commentary (d) and (e) to Principle 14, tr. 736-737.

<sup>15</sup> Toà án Công lí Quốc tế, *Các Vụ về Thềm lục địa Biển Bắc*, sdd. (note 7), tr. 43, § 74.

với thực tiễn của số "Quốc gia đặc biệt có liên quan"; và (2) nếu các "Quốc gia đặc biệt có liên quan" không chấp nhận thực tiễn đó, thì nó không thể chuyển hoá thành một quy tắc của luật tập quán quốc tế, mặc dù là không đòi hỏi phải có sự nhất trí như đã giải thích.<sup>16</sup> Trong phạm vi luật nhân đạo quốc tế, ai "đặc biệt có liên quan" có thể thay đổi tùy thuộc các tình huống khác nhau. Chẳng hạn, liên quan đến tính hợp pháp của việc sử dụng các vũ khí la-de gây mù, các "Quốc gia đặc biệt có liên quan" bao gồm số Quốc gia được xác định là đang trong quá trình phát triển những vũ khí đó, mặc dù những Quốc gia khác có khả năng chịu thiệt hại do việc sử dụng đó. Tương tự như vậy, những Quốc gia mà nhân dân cần được giúp đỡ về nhân đạo cũng "đặc biệt có liên quan" như những Quốc gia thường xuyên cung cấp sự giúp đỡ đó. Đối với bất kì quy tắc nào của luật nhân đạo quốc tế, những nước đã tham gia một cuộc xung đột vũ trang đều "đặc biệt có liên quan" khi thực tiễn của họ là xác đáng cho xung đột vũ trang đó, nếu xem xét đối với một quy tắc nhất định. Mặc dù có thể có những Quốc gia đặc biệt có liên quan trong những lĩnh vực nhất định của luật nhân đạo quốc tế, nhưng tất cả các Quốc gia đúng là có quyền lợi pháp lí phải đòi hỏi những Quốc gia khác tôn trọng luật nhân đạo quốc tế, dù cho số này không tham gia vào xung đột.<sup>17</sup> Hơn nữa, tất cả các Quốc gia có thể bị thiệt hại bởi những phương tiện hoặc phương thức chiến tranh do các Quốc gia khác triển khai. Do vậy mà phải xem xét thực tiễn của tất cả các Quốc gia, dù cho các Quốc gia này có "đặc biệt liên quan" hay không theo nghĩa hẹp của từ này.

Công trình nghiên cứu không đưa ra quan điểm liệu có thể có về mặt pháp lí một "thành phần phản đối dai dẳng" đối với những quy tắc tập quán của luật nhân đạo quốc tế. Nhiều nhà bình luận tin rằng không thể có một thành phần phản đối dai dẳng đối với những quy tắc thuộc *jus cogens*, số khác thì thậm chí còn không tin vào khái niệm "phản đối dai dẳng".<sup>18</sup> Nếu ta chấp nhận là về pháp lí có thể có một thành phần phản đối dai dẳng, thì Quốc gia liên quan hẳn đã chống lại sự xuất hiện của một chuẩn mực mới trong quá trình hình thành của

<sup>16</sup> ILA Report, sđd. (note 13), commentary (e) to Principle 14, trg. 737.

<sup>17</sup> Xem: Luật tập quán nhân đạo quốc tế, sđd. (note 4), Tập I, bình luận về Quy tắc 144.

<sup>18</sup> Nếu muốn bàn luận sâu hơn, xem Maurice H. Mendelson, "The Formation of Customary International Law", Collected Courses of the Hague Academy of International Law, Tập 272, 1998, trg. 227-244.

nó và tiếp tục phản đối dai dẳng sau đó; khái niệm "thành phần phản đối đến sau" là không thể có.<sup>19</sup>

Thông thường phải mất một thời gian nhất định để một quy tắc luật tập quán quốc tế xuất hiện, nhưng không có một khung thời gian xác định. Đúng hơn, đó là sự tích tụ đủ độ đậm của một thực tiễn, xét về mặt tính thuần nhất, mức độ và tính tiêu biểu; đó mới là yếu tố quyết định.<sup>20</sup>

## Opinio juris

Trong việc xác lập sự tồn tại của một quy tắc luật tập quán quốc tế, yêu cầu phải có *opinio juris* dựa trên sự tin tưởng về pháp lí là một thực tiễn nào đó được thực hiện đúng theo pháp luật. Hình thái qua đó thực tiễn và sự tin tưởng pháp lí được diễn đạt có thể khác nhau tùy thuộc vào nội dung của quy tắc là một sự cảm đoán, một nghĩa vụ hoặc chỉ đơn giản là quyền được cư xử theo một cách nhất định.

Quá trình nghiên cứu đã cho thấy là rất khó mà tách biệt các yếu tố thực tiễn và sự tin tưởng về pháp lí - vấn đề tách biệt này chủ yếu thuộc lĩnh vực lí thuyết. Trong nhiều trường hợp, cùng một hành động lại phản ánh cả thực tiễn lẫn sự tin tưởng về pháp lí. Như Hiệp hội Pháp luật quốc tế đã ghi nhận, Toà án Công lí quốc tế "thực ra đã không tuyên bố cụ thể rằng cùng một lối ứng xử không thể thể hiện cả hai, chỉ bởi vì có (hoặc có thể có) những yếu tố khác biệt trong luật tập quán. Thực ra rất khó, thậm chí không thể tách gỡ hai yếu tố đó."<sup>21</sup> Điều này đặc biệt đúng là bởi vì những hành động về ngôn từ như binh thư chẳng hạn được xem như thực tiễn Nhà nước và thường phản ánh trong cùng thời gian đó sự tin tưởng về pháp lí của Quốc gia liên quan.

Khi có một thực tiễn đủ đậm, thì thông thường thực tiễn đó cũng chứa đựng một *opinio juris* và do đó, thường thì không cần phải chứng minh riêng biệt sự tồn tại của *opinio juris*. Tuy nhiên, trong

---

<sup>19</sup> ILA Report, sđd. (note 13), commentary (b) to Principle 15, trg. 738.

<sup>20</sup> Như trên, commentary (b) to Principle 12, trg. 731.

<sup>21</sup> Như trên, trg. 718, § 10(c). Cần phân tích vấn đề sâu hơn, xin xem Peter Haggemacher, "La doctrine des deux éléments du droit coutumier dans la pratique de la Cour internationale" [Học thuyết về hai yếu tố của luật tập quán trong thực tiễn của Toà án quốc tế], *Revue générale de droit international public*, Tập 90, 1986, trg. 5.

những tình huống mà thực tiễn thiếu rõ ràng, *opinio juris* lại có vai trò quan trọng trong việc xác định xem liệu thực tiễn đó có đóng góp vào sự hình thành tập quán. Đây thường là trường hợp các thiếu sót, khi các Quốc gia không có hành động hoặc không có phản ứng mà người ta không rõ là tại sao. Chính trong những trường hợp như vậy mà cả Toà án Công lí quốc tế lẫn tiền thân của nó là Toà án Công lí quốc tế thường trực đã tìm cách xác minh sự tồn tại riêng biệt của một *opinio juris* nhằm xác định liệu các trường hợp thực tiễn thiếu rõ ràng có đóng góp hay không vào sự hình thành luật tập quán quốc tế.<sup>22</sup>

Trong lĩnh vực luật nhân đạo quốc tế, nhiều quy tắc đòi hỏi không được có những ứng xử nhất định, thì ở đây các thiếu sót đặt ra một vấn đề đặc biệt trong việc đánh giá *opinio juris* bởi vì cần phải chứng minh rằng việc tránh không hành động không phải là ngẫu nhiên mà dựa trên cơ sở một mong đợi chính đáng. Khi có một đòi hỏi tránh không hành động như vậy được ghi rõ trong các văn kiện quốc tế và các tuyên bố chính thức, thì thông thường có thể chứng minh được là đòi hỏi pháp lí tránh không có lỗi ứng xử như vậy có tồn tại. Hơn nữa, việc tránh không hành động có thể xảy ra sau khi cách ứng xử đó đã gây ra sự tranh cãi nhất định; điều đó cũng giúp cho thấy là không phải ngẫu nhiên mà người ta tránh không hành động, mặc dù không phải lúc nào cũng dễ chứng minh rằng việc tránh không hành động xuất phát từ một nhận thức về nghĩa vụ pháp lí.

### Tác động của luật hiệp ước

Các hiệp ước cũng là một yếu tố thích đáng để xác định sự tồn tại của luật tập quán quốc tế bởi vì chúng giúp soi sáng cách nhận thức của các Quốc gia đối với một số quy tắc luật quốc tế. Do vậy, công trình nghiên cứu cũng xem xét việc phê chuẩn, diễn giải và thực hiện hiệp ước, bao gồm cả những nội dung bảo lưu và những tuyên bố diễn giải khi tiến hành phê chuẩn. Trong các *vụ việc Thềm lục địa Biển*

---

<sup>22</sup> Xem, chẳng hạn, Toà án Công lí quốc tế thường trực, *Lotus case (France v. Turkey)* [*vụ Hoa Sen, Pháp kiện Thổ-nhĩ-kỳ*], Phán quyết, 7 tháng 9 năm 1927, *PCIJ Ser. A*, No. 10, trg. 28 (the Court found that States had not abstained from prosecuting wrongful acts aboard ships because they felt prohibited from doing so); Toà án Công lí quốc tế, *các vụ Thềm lục địa Biển Bắc*, sđd. (note 7), trg. 43–44, §§ 76–77 (the Court found that States that had delimited their continental shelf on the basis of the equidistance principle had not done so because they felt obliged to); *ILA Report*, sđd. (note 13), Principle 17(iv) and commentary.

*Bắc*, Toà án Công lí quốc tế đã rõ ràng cho rằng mức độ phê chuẩn một hiệp ước là thích đáng đối với việc đánh giá luật tập quán quốc tế. Trong vụ này, Toà đã phát biểu rằng "số lượng phê chuẩn và gia nhập đạt được cho đến nay [39] mặc dù là quan trọng nhưng không đủ", đặc biệt là trong một bối cảnh mà thực tiễn bên ngoài hiệp ước lại trái ngược.<sup>23</sup> Trong vụ *Nicaragua*, khi đánh giá địa vị tập quán của quy tắc không can thiệp, Toà đã ngược lại coi trọng thực tế là bản Hiến chương Liên Hiệp Quốc đã được phê chuẩn hầu như toàn cầu.<sup>24</sup> Thậm chí có thể có trường hợp là một điều khoản hiệp ước phản ánh luật tập quán, mặc dù hiệp ước đó chưa có hiệu lực, miễn là thực tiễn tương tự có tồn tại ở mức độ đủ nhiều, kể cả trong số các Quốc gia có đặc biệt liên quan; hệ quả là rất ít khả năng có sự chống đối mạnh đối với quy tắc đó.<sup>25</sup>

Trong thực tế, việc soạn thảo các chuẩn mực có tính quy ước góp phần tập hợp quan điểm pháp lí của thế giới và gây một ảnh hưởng không thể chối cãi đối với cách ứng xử và sự tin tưởng về pháp lí của các Quốc gia sau đó. Toà án Công lí quốc tế đã thừa nhận điều này trong phán quyết của mình đối với vụ *Thềm lục địa* khi tuyên bố "các công ước đa phương có thể đóng vai trò quan trọng trong việc ghi nhận và định nghĩa những quy tắc xuất phát từ tập quán, và thậm chí trong việc phát triển những quy tắc đó."<sup>26</sup> Toà đã xác nhận là các hiệp ước có thể pháp điển hoá luật tập quán quốc tế có trước đó, nhưng cũng có thể đặt nền móng cho sự phát triển các tập quán mới, dựa trên các chuẩn mực nằm trong các hiệp ước đó. Toà còn đi xa hơn khi tuyên bố là "có thể là ... sự tham gia rộng rãi và tiêu biểu vào [một]

---

<sup>23</sup> Toà án Công lí quốc tế, *các vụ Thềm lục địa Biển Bắc*, sđd. (note 7), trg. 42, § 73.

<sup>24</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Vụ việc liên quan đến các hoạt động quân sự và bán quân sự tại Nicaragua và chống lại nước này*, sđd. (note 12), trg. 99–100, § 188. Một yếu tố quan trọng khác trong quyết định của Toà án là các nghị quyết có liên quan của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã được tán thành một cách rộng rãi, đặc biệt là Nghị quyết 2625 (XXV) về những quan hệ hữu nghị giữa các Quốc gia, nghị quyết này đã được thông qua mà không cần bỏ phiếu.

<sup>25</sup> Toà án Công lí quốc tế, *vụ Thềm lục địa*, sđd. (note 6), trg. 33, § 34. (Toà cho rằng khái niệm về vùng đặc quyền kinh tế đã trở thành một phần của luật tập quán quốc tế, mặc dù Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển chưa bắt đầu có hiệu lực, bởi vì số because the number of claims to an exclusive economic zone had risen to 56, which included several specially affected States.)

<sup>26</sup> Toà án Công lí quốc tế, *vụ Thềm lục địa*, sđd. (note 6), trg. 29–30, § 27.

công ước cũng đủ, miễn là có bao gồm các Quốc gia đặc biệt có liên quan."<sup>27</sup>

Công trình nghiên cứu đã theo một phương pháp thận trọng khi cho rằng việc phê chuẩn rộng rãi chỉ là một chỉ số và cần phải được đánh giá trong mối quan hệ với những yếu tố khác của thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn của những Quốc gia không tham gia hiệp ước đó. Thực tiễn phù hợp của các Quốc gia không tham gia được xem là một chứng cứ tích cực quan trọng [để chứng minh sự tồn tại một quy tắc luật tập quán]. Thế nhưng, thực tiễn trái nghịch của các Quốc gia không tham gia lại được xem là một chứng cứ quan trọng theo hướng đối nghịch. Thực tiễn của các Quốc gia có tham gia một hiệp ước so với các Quốc gia không tham gia cũng là một yếu tố đặc biệt thích đáng.

Như vậy, công trình nghiên cứu không tự giới hạn vào thực tiễn của những Quốc gia không tham gia các hiệp ước luật nhân đạo quốc tế. Giới hạn nghiên cứu vào việc chỉ xem xét thực tiễn của số hơn 30 Quốc gia chưa phê chuẩn các Nghị định thư bổ sung, chẳng hạn, sẽ không đáp ứng yêu cầu theo đó luật tập quán quốc tế phải dựa trên nền tảng một thực tiễn rộng khắp và tiêu biểu. Do đó, việc đánh giá sự tồn tại của luật tập quán đã xem xét thực tế là có 162 Quốc gia đã phê chuẩn Nghị định thư bổ sung I và 157 Quốc gia đã phê chuẩn Nghị định thư bổ sung II, vào thời điểm công trình nghiên cứu được công bố.

Cần nhấn mạnh là công trình nghiên cứu không tìm cách xác định tính chất tập quán của từng quy tắc hiệp ước trong luật nhân đạo quốc tế, do đó không nhất thiết phải đi theo cấu trúc của những hiệp ước hiện hữu. Đúng hơn, công trình nghiên cứu đã tìm cách phân tích các vấn đề nhằm xác lập những quy tắc nào của luật tập quán quốc tế có thể được tìm thấy bằng phương pháp quy nạp trên cơ sở thực tiễn Nhà nước liên quan đến các vấn đề đó. Vì phương pháp áp dụng không nhằm xác định tính chất tập quán của từng điều khoản hiệp ước, nên không thể kết luận là một quy tắc cụ thể nào đó của một hiệp ước không có tính tập quán chỉ vì nó không xuất hiện trong công trình nghiên cứu này với tính cách là một quy tắc tập quán.

---

<sup>27</sup> Toà án Công lý quốc tế, *các vụ Thềm lục địa Biển Đông*, sđd. (note 7), tr. 42, § 73; xem thêm ILA Report, sđd. (note 13), Principles 20–21, 24, 26 and 27, tr. 754–765.

## Cách tổ chức công trình nghiên cứu

Nhằm lựa chọn cách tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ mà ICRC được giao phó, các tác giả đã tham khảo ý kiến của một nhóm học giả chuyên gia về luật nhân đạo quốc tế, cũng đồng thời là Ủy ban Chỉ đạo nghiên cứu.<sup>28</sup> Ủy ban Chỉ đạo đã thông qua kế hoạch hành động vào tháng 6-1996 và các khảo sát bắt đầu vào tháng 10. Việc khảo sát được tiến hành có sử dụng những nguồn tư liệu quốc gia và quốc tế phản ánh các thực tiễn Nhà nước, và tập trung vào sáu phần của công trình nghiên cứu mà kế hoạch hành động đã xác định:

- Nguyên tắc phân biệt
- Những người và vật thể được bảo hộ cụ thể
- Các phương thức chiến tranh cụ thể
- Vũ khí
- Đối xử với dân thường và người ở ngoài vòng chiến đấu
- Thực thi

## Khảo sát các nguồn tư liệu quốc gia

Vì các nguồn tư liệu quốc gia dễ truy cập hơn từ bên trong mỗi nước, nên đã có quyết định tìm kiếm sự hợp tác của những nhà nghiên cứu ở các quốc gia. Các nhà nghiên cứu hoặc nhóm nhà nghiên cứu đã được liên hệ ở gần 50 Quốc gia (9 ở châu Phi, 11 ở châu Mỹ, 15 ở châu Á, 1 ở vùng Australasia và 11 ở châu Âu) và được đề nghị thực hiện một báo cáo về thực tiễn của các Quốc gia liên quan.<sup>29</sup> Các nước được lựa chọn theo vùng địa lý và theo kinh nghiệm mà họ có mới đây

---

<sup>28</sup> Ủy ban Chỉ đạo bao gồm các Giáo sư Georges Abi-Saab, Salah El-Din Amer, Ove Bring, Eric David, John Dugard, Florentino Feliciano, Horst Fischer, Françoise Hampson, Theodor Meron, Djamchid Momtaz, Milan Šahović và Raúl Emilio Vinuesa.

<sup>29</sup> Châu Phi: Algeria, Angola, Botswana, Egypt, Ethiopia, Nigeria, Rwanda, South Africa and Zimbabwe; châu Mỹ: Argentina, Brazil, Canada, Chile, Colombia, Cuba, El Salvador, Nicaragua, Peru, United States of America and Uruguay; châu Á: China, India, Indonesia, Iran, Iraq, Israel, Japan, Jordan, Republic of Korea, Kuwait, Lebanon, Malaysia, Pakistan, Philippines and Syria; Australasia: Australia; châu Âu: Belgium, Bosnia and Herzegovina, Croatia, France, Germany, Italy, Netherlands, Russian Federation, Spain, United Kingdom and Yugoslavia.



về những dạng xung đột vũ trang khác nhau, trong đó nhiều phương thức chiến tranh đã được sử dụng.

Các binh thư và pháp luật của những nước không nằm trong các báo cáo về thực tiễn Nhà nước cũng đã được tập hợp và khảo sát. Công việc đã được sự hỗ trợ của mạng lưới các văn phòng đại diện ICRC trên khắp thế giới và của bộ sưu tập phong phú về pháp luật các quốc gia của Ban Tư vấn pháp lí về luật nhân đạo quốc tế thuộc ICRC.

### **Khảo sát các nguồn tư liệu quốc tế**

Thực tiễn Nhà nước được thu nhặt từ các nguồn tư liệu quốc tế bởi sáu nhóm, mỗi nhóm tập trung vào một phần của công trình nghiên cứu.<sup>30</sup> Những nhóm này đã khảo sát thực tiễn các Nhà nước trong khuôn khổ xem xét của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác, bao gồm Liên Minh Châu Phi (trước đây là Tổ chức Thống nhất Châu Phi), Hội đồng Châu Âu, Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh, Liên Minh Châu Âu, Liên đoàn các nước A-rập, Tổ chức các nước Châu Mỹ, Tổ chức Hội nghị Hồi giáo và Tổ chức An ninh và Hợp tác Châu Âu. Ấn lệ quốc tế cũng được thu thập, trong chừng mực nó có thể cung cấp chứng cứ cho sự tồn tại các quy tắc luật tập quán quốc tế.

### **Khảo sát tư liệu lưu trữ của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC)**

Để bổ sung việc khảo sát các nguồn tư liệu quốc gia và quốc tế, ICRC đã xem xét các tư liệu lưu trữ của mình liên quan đến gần 40 cuộc xung đột vũ trang gần đây (21 ở châu Phi, 2 ở các châu Mỹ, 8 ở châu Á và 8 ở châu Âu).<sup>31</sup> Nhìn chung, các cuộc xung đột này đã được

<sup>30</sup> Nguyên tác phân biệt: Giáo sư Georges Abi-Saab (báo cáo viên) và Jean-François Quéguiner (nhà nghiên cứu); Những người và vật thể được bảo hộ cụ thể: Giáo sư Horst Fischer (báo cáo viên) và Gregor Schotten và Heike Spieker (nhà nghiên cứu); Các phương thức chiến tranh cụ thể: Giáo sư Theodor Meron (báo cáo viên) và Richard Desgagné (nhà nghiên cứu); Vũ khí: Giáo sư Ove Bring (báo cáo viên) và Gustaf Lind (nhà nghiên cứu); Đối xử với dân thường và người ở ngoài vòng chiến đấu: Françoise Hampson (báo cáo viên) và Camille Giffard (nhà nghiên cứu); Thực thi: Eric David (báo cáo viên) và Richard Desgagné (nhà nghiên cứu).

<sup>31</sup> Châu Phi: Angola, Burundi, Chad, Chad-Libya, Cộng hoà Dân chủ Congo, Djibouti, Eritrea-Yemen, Ethiopia (1973-1994), Liberia, Mozambique, Namibia, Nigeria-Cameroon, Rwanda, Senegal, Senegal-Mauritania, Sierra Leone, Somalia, Somalia-Ethiopia, Sudan, Uganda và Tây Sahara; các châu Mỹ: Guatemala và Mexico; châu Á: Afghanistan, Campuchia, Ấn-độ (Jammu và Kashmir), Papua

chọn sao cho bao gồm cả những nước và những xung đột chưa được xem xét trong bản báo cáo về thực tiễn các Quốc gia.

Kết quả của phương pháp khảo sát ba mặt này – nguồn tư liệu quốc gia, quốc tế và của ICRC – là thực tiễn của mọi nơi trên thế giới đều được nêu ra. Tuy nhiên, việc khảo sát không phải vì thế mà được cho là toàn diện. Nó tập trung đặc biệt vào thực tiễn diễn ra trong 30 năm trở lại đây để đảm bảo kết quả có thể tái khẳng định luật tập quán quốc tế đương đại; nhưng nó cũng nêu lên, khi xác đáng, những thực tiễn lâu đời hơn.

### **Tham khảo các nhà chuyên môn**

Ở vòng tham khảo lần một, ICRC đã mời các nhóm khảo sát quốc tế trình bày một bản tóm tắt có sơ bộ đánh giá luật tập quán nhân đạo quốc tế trên cơ sở những thực tiễn đã thu thập được. Các bản tóm tắt này đã được thảo luận bởi Ủy ban Chỉ đạo trong ba cuộc họp tại Gionevơ năm 1998. Chúng được hiệu đính lại cẩn thận và ở vòng tham khảo lần hai được trình cho một nhóm chuyên gia gồm học giả và chuyên gia các chính phủ từ khắp các nơi trên thế giới. ICRC đã mời những chuyên gia này tham dự với tính cách cá nhân hai cuộc họp cùng với Ủy ban Chỉ đạo tại Gionevơ năm 1999, qua đó họ giúp đánh giá các thực tiễn đã tập hợp được và chỉ ra những thực tiễn cụ thể nào bị bỏ sót.<sup>32</sup>

---

New Guinea, Sri Lanka, Tajikistan, Yemen và Yemen–Eritrea (cũng có trong phần châu Phi); châu Âu: Armenia–Azerbaijan (Nagorno-Karabakh), Síp (Cyprus), Nam Tư cũ (xung đột ở Nam Tư (1991–1992), xung đột ở Bosnia và Herzegovina (1992–1996), xung đột ở Croatia (Krajinas) (1992–1995)), Georgia (Abkhazia), Liên bang Nga (Chechnya) và Thổ-nhĩ-kỳ.

<sup>32</sup> Những học giả và chuyên gia chính phủ sau đây đã tham gia vào vòng tham khảo này với tư cách cá nhân: Abdallah Ad-Douri (Iraq), Paul Berman (Liên hiệp Vương Quốc Anh), Sadi Çaycı (Thổ-nhĩ-kỳ), Michael Cowling (Nam Phi), Edward Cummings (Hoa Kỳ), Antonio de Icaza (Mexico), Yoram Dinstein (Israel), Jean-Michel Favre (Pháp), William Fenrick (Canada), Dieter Fleck (Đức), Juan Carlos Gómez Ramírez (Colombia), Jamshed A. Hamid (Pakistan), Arturo Hernández-Basave (Mexico), Ibrahim Idriss (Ethiopia), Hassan Kassem Jouni (Libăng), Kenneth Keith (Tân-tây-lan), Githu Muigai (Kenya), Rein Müllerson (Estonia), Bara Niang (Senegal), Mohamed Olwan (Jordan), Raul C. Pangalangan (Phi-luật-tân), Stelios Perrakis (Hi-lạp), Paulo Sergio Pinheiro (Brazil), Arpád Prandler (Hungary), Pemmaraju Sreenivasa Rao (Ấn-độ), Camilo Reyes Rodríguez (Colombia), Itse E. Sagay (Nigeria), Harold Sandoval (Colombia), Somboon

## Viết báo cáo

Sau khi được nhóm chuyên gia chính phủ và học giả hiệu đính, phần đánh giá của Ủy ban Chỉ đạo đã được sử dụng làm cơ sở để viết bản báo cáo cuối cùng. Các tác giả của công trình nghiên cứu đã xem xét lại các thực tiễn, đánh giá lại sự tồn tại của tập quán, duyệt lại việc diễn đạt và trật tự các quy tắc, và soạn phần bình luận. Các bản dự thảo đã được trình cho Ủy ban Chỉ đạo, nhóm chuyên gia chính phủ và học giả, và Ban Pháp lí của ICRC để lấy ý kiến. Sau đó tài liệu đã được cập nhật và hoàn tất, có bổ sung các ý kiến đã thu thập.

## Tóm tắt các kết luận

Tuyệt đại đa số những điều khoản của các Công ước Gionevơ, kể cả Điều 3 chung, được xem là một phần của luật tập quán quốc tế.<sup>33</sup> Hơn nữa, xét rằng hiện nay các Công ước Gionevơ có 192 Quốc gia thành viên, các văn kiện này ràng buộc hầu hết các Quốc gia với tính cách là luật hiệp ước. Do đó, công trình nghiên cứu không nhắm đến tính chất tập quán của các điều khoản trong các Công ước mà đúng hơn là tập trung vào những vấn đề được điều chỉnh bởi các hiệp ước chưa được phê chuẩn toàn cầu, đặc biệt là các Nghị định thư bổ sung, Công ước La-Hay về việc bảo vệ tài sản văn hoá và một số các công ước cụ thể điều chỉnh việc sử dụng vũ khí.

Phần mô tả dưới đây về các quy tắc luật tập quán quốc tế không nhằm giải thích tại sao những quy tắc đó được xem là có tính tập quán, và cũng không trình bày những thực tiễn dẫn đến kết luận đó. Phần giải thích tại sao một quy tắc được xem là tập quán nằm trong Tập I của công trình nghiên cứu, còn thực tiễn tương ứng thì nằm trong Tập II.

---

Sangianbut (Thái-lan), Marat A. Sarsembayev (Kazakhstan), Muhammad Aziz Shukri (Syria), Parlaungan Sihombing (Indonesia), Geoffrey James Skillen (Úc), Guoshun Sun (Trung Quốc), Bakhtyar Tuzmukhamedov (Nga) và Karol Wolfke (Ba-lan).

<sup>33</sup> Toà án Công lí Quốc tế, *Tính hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng các vũ khí hạt nhân*, sđd. (note 8), trg. 257-258, §§ 79 và 82 (liên quan đến các Công ước Gionevơ) và *Vụ việc liên quan đến các hoạt động quân sự và bán quân sự ở Nicaragua và chống lại nước này*, sđd. (note 12), trg. 114, § 218 (liên quan đến Điều 3 chung).

## Các xung đột vũ trang quốc tế

Nghị định thư bổ sung I đã pháp điển hoá những quy tắc luật tập quán quốc tế tồn tại trước đó, nhưng cũng đã đặt nền móng cho việc hình thành những quy tắc tập quán mới. Các thực tiễn được thu thập trong khuôn khổ công trình nghiên cứu minh chứng cho tác động sâu xa của Nghị định thư bổ sung I đối với thực tiễn Nhà nước, không những trong các xung đột vũ trang quốc tế mà cả trong những xung đột không mang tính quốc tế (xem dưới đây). Đặc biệt là công trình nghiên cứu đã cho thấy các nguyên tắc cơ bản của Nghị định thư bổ sung I đã được chấp nhận rất rộng rãi, còn hơn cả mức độ người ta nghĩ nếu xét số liệu phê chuẩn Nghị định thư I.

Mặc dù công trình nghiên cứu không tìm cách xác định tính chất tập quán của những điều khoản hiệp ước cụ thể, nhưng kết cục cho thấy rõ là có nhiều quy tắc tập quán giống hệt hoặc tương tự như các quy tắc trong luật hiệp ước. Sau đây là ví dụ về những quy tắc tập quán có những điều khoản tương ứng trong Nghị định thư I: nguyên tắc về sự phân biệt giữa dân thường và chiến binh và giữa những vật thể dân sự và những mục tiêu quân sự;<sup>34</sup> ngăn cấm tấn công bờ bãi;<sup>35</sup> nguyên tắc tương xứng khi tấn công;<sup>36</sup> sự bắt buộc phải có những biện pháp đề phòng khả dĩ khi tấn công và chống lại các tác động của sự tấn công;<sup>37</sup> nghĩa vụ phải tôn trọng và bảo vệ nhân viên y tế và tôn giáo, các đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế,<sup>38</sup> nhân viên và phương tiện cứu trợ nhân đạo,<sup>39</sup> và nhà báo dân sự;<sup>40</sup> nghĩa vụ phải bảo vệ những chức trách y tế;<sup>41</sup> ngăn cấm tấn công những địa điểm không phòng thủ và những khu vực phi quân sự;<sup>42</sup> nghĩa vụ phải tha mạng và bảo vệ kẻ địch đã ở ngoài vòng chiến đấu;<sup>43</sup> ngăn cấm việc

---

<sup>34</sup> Xem *Luật tập quán nhân đạo quốc tế*, sđd. (note 4), Tập I, Quy tắc 1 và 7.

<sup>35</sup> Như trên, Quy tắc 11–13.

<sup>36</sup> Như trên, Quy tắc 14.

<sup>37</sup> Như trên, Quy tắc 15–24.

<sup>38</sup> Như trên, Quy tắc 25 và 27–30.

<sup>39</sup> Như trên, Quy tắc 31–32.

<sup>40</sup> Như trên, Quy tắc 34.

<sup>41</sup> Như trên, Quy tắc 26.

<sup>42</sup> Như trên, Quy tắc 36–37.

<sup>43</sup> Như trên, Quy tắc 46–48.

gây nạn đói;<sup>44</sup> ngăn cấm tấn công những vật thể thiết yếu cho sự sống còn của dân thường;<sup>45</sup> ngăn cấm việc sử dụng các biểu tượng một cách sai trái hoặc xảo trá;<sup>46</sup> nghĩa vụ phải tôn trọng những đảm bảo căn bản cho dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu;<sup>47</sup> nghĩa vụ phải báo cáo về người mất tích;<sup>48</sup> và các bảo vệ đặc biệt dành cho phụ nữ và trẻ em.<sup>49</sup>

### Các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế

Trong vài thập kỷ qua, đã có một số lớn các thực tiễn nhân mạnh đến việc bảo vệ của luật nhân đạo quốc tế trong loại xung đột này. Số thực tiễn này đã có một ảnh hưởng đáng kể đối với sự hình thành của luật tập quán áp dụng trong các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Như Nghị định thư bổ sung I, Nghị định thư bổ sung II đã có tác động sâu rộng đến thực tiễn này và kết quả là nhiều điều khoản của nó nay được xem như thuộc luật tập quán quốc tế. Sau đây là ví dụ về những quy tắc tập quán có những điều khoản tương ứng trong Nghị định thư II: ngăn cấm tấn công dân thường;<sup>50</sup> nghĩa vụ phải tôn trọng và bảo vệ nhân viên y tế và tôn giáo, đơn vị y tế và phương tiện vận chuyển y tế;<sup>51</sup> nghĩa vụ phải bảo vệ những chức trách y tế;<sup>52</sup> ngăn cấm việc gây nạn đói;<sup>53</sup> ngăn cấm tấn công những vật thể thiết yếu cho sự sống còn của dân thường;<sup>54</sup> nghĩa vụ phải tôn trọng những đảm bảo căn bản cho dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu;<sup>55</sup> nghĩa vụ phải tìm kiếm, tôn trọng và bảo vệ người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu;<sup>56</sup> nghĩa vụ phải tìm kiếm và bảo vệ người chết;<sup>57</sup> nghĩa

---

<sup>44</sup> Như trên, Quy tắc 53.

<sup>45</sup> Như trên, Quy tắc 54.

<sup>46</sup> Như trên, Quy tắc 57–65.

<sup>47</sup> Như trên, Quy tắc 87–105.

<sup>48</sup> Như trên, Quy tắc 117.

<sup>49</sup> Như trên, Quy tắc 134–137.

<sup>50</sup> Như trên, Quy tắc 1.

<sup>51</sup> Như trên, Quy tắc 25 và 27–30.

<sup>52</sup> Như trên, Quy tắc 26.

<sup>53</sup> Như trên, Quy tắc 53.

<sup>54</sup> Như trên, Quy tắc 54.

<sup>55</sup> Như trên, Quy tắc 87–105.

<sup>56</sup> Như trên, Quy tắc 109–111.

<sup>57</sup> Như trên, Quy tắc 112–113.

vụ phải bảo vệ những người bị mất tự do;<sup>58</sup> ngăn cấm việc cưỡng bức di chuyển dân thường;<sup>59</sup> và các bảo vệ đặc biệt dành cho phụ nữ và trẻ em.<sup>60</sup>

Tuy nhiên, phần đóng góp đáng kể nhất của luật tập quán nhân đạo quốc tế vào việc điều chỉnh các xung đột vũ trang nội bộ còn đi xa hơn các điều khoản của Nghị định thư bổ sung II. Đúng vậy, thực tiễn đã tạo ra một số lớn những quy tắc tập quán còn chi tiết hơn những điều khoản thường là sơ sài trong Nghị định thư bổ sung II và qua đó đã lấp được những kẽ hở nghiêm trọng trong việc điều chỉnh các xung đột nội bộ.

Chẳng hạn, Nghị định thư bổ sung II chỉ điều chỉnh rất sơ sài việc tiến hành chiến sự. Điều 13 quy định rằng "dân chúng, cũng như các cá nhân là dân thường, không phải là mục tiêu tấn công... trừ phi họ tham gia trực tiếp vào chiến sự và trong thời gian ấy thôi". Không như Nghị định thư bổ sung I, Nghị định thư bổ sung II không có những quy tắc và định nghĩa cụ thể liên quan đến các nguyên tắc phân biệt và tương xứng.

Tuy nhiên, những kẽ hở ở Nghị định thư bổ sung II trong việc điều chỉnh cách tiến hành chiến sự đã được bổ khuyết phần lớn thông qua thực tiễn Nhà nước; các thực tiễn này đã tạo ra những quy tắc tương ứng với những quy tắc trong Nghị định thư I nhưng có thể áp dụng như luật tập quán đối với các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Chúng bao gồm những nguyên tắc cơ bản về tiến hành chiến sự và những quy tắc về người và vật thể được bảo vệ đặc biệt, về các phương thức chiến tranh cụ thể.<sup>61</sup>

Trương tự như vậy, Nghị định thư bổ sung II chỉ có một điều khoản rất chung chung về cứu trợ nhân đạo cho dân chúng khi khó khăn. Điều 18(2) quy định "khi dân chúng chịu những khó khăn quá mức do

---

<sup>58</sup> Như trên, Quy tắc 118–119, 121 và 125.

<sup>59</sup> Như trên, Quy tắc 129.

<sup>60</sup> Như trên, Quy tắc 134–137.

<sup>61</sup> Xem, chẳng hạn, như trên, Quy tắc 7–10 (phân biệt giữa các vật thể dân sự và mục tiêu quân sự), Quy tắc 11–13 (tấn công bừa bãi), Quy tắc 14 (tương xứng khi tấn công), Quy tắc 15–21 (thận trọng khi tấn công); Quy tắc 22–24 (thận trọng đối với các hậu quả của tấn công); Quy tắc 31–32 (nhân viên và phương tiện cứu trợ nhân đạo); Quy tắc 34 (nhà báo dân sự); Quy tắc 35–37 (các khu vực được bảo hộ); Quy tắc 46–48 (từ chối tha mạng); Quy tắc 55–56 (tiếp cận nguồn cứu trợ nhân đạo) và Quy tắc 57–65 (lừa dối).

thiếu những nguồn tiếp liệu thiết yếu cho sự sống còn... các hoạt động cứu trợ dành cho dân chúng, có tính chất hoàn toàn nhân đạo và vô tư và được thực hiện không có bất kì sự phân biệt bất lợi nào, phải được tiến hành". Không giống như Nghị định thư bổ sung I, Nghị định thư II không có những điều khoản cụ thể đòi hỏi phải tôn trọng và bảo vệ nhân viên và phương tiện cứu trợ nhân đạo và bắt buộc các bên tham chiến phải cho phép và tạo sự dễ dàng cho việc vận chuyển hàng cứu trợ nhân đạo nhanh chóng và thông suốt đến dân thường gặp khó khăn và đảm bảo tự do đi lại cho nhân viên cứu trợ nhân đạo đã được cấp phép, mặc dù ta có thể lí luận rằng những đòi hỏi như vậy được bao hàm trong Điều 18(2) của Nghị định thư. Tuy nhiên, những đòi hỏi đó đã được kết tinh thành luật tập quán quốc tế áp dụng cho cả xung đột vũ trang quốc tế lẫn phi quốc tế do kết quả của những thực tiễn phổ biến, tiêu biểu và hầu như đồng nhất theo hướng đó.

Về mặt này cần phải ghi nhận là các Nghị định thư bổ sung I và II đều đòi hỏi có sự đồng ý của các bên liên quan để cho các hoạt động cứu trợ được tiến hành,<sup>62</sup> nhưng phần lớn các thực tiễn thu thập được lại không nêu đòi hỏi này. Dù sao thì rõ ràng là một tổ chức nhân đạo không thể hoạt động nếu không có sự đồng ý của bên liên quan. Tuy nhiên, bên liên quan cũng không được từ chối vì những lí lẽ tùy tiện. Nếu đã xác định rõ là dân chúng đang bị đe dọa vì nạn đói và có một tổ chức nhân đạo có thể giải quyết tình hình bằng cách tiến hành cứu trợ trên cơ sở vô tư và không phân biệt thì bên liên quan buộc phải chấp thuận.<sup>63</sup> Bên liên quan không thể từ chối vì những lí lẽ tùy tiện, nhưng thực tiễn cũng thừa nhận rằng bên liên quan có thể kiểm soát hoạt động cứu trợ và nhân viên cứu trợ nhân đạo phải tôn trọng pháp luật quốc gia về việc ra vào lãnh thổ và các quy định hiện hành về an ninh.

### Những vấn đề cần làm rõ thêm

Công trình nghiên cứu cũng đã làm lộ ra một số lĩnh vực mà ở đó thực tiễn có những điều chưa rõ. Chẳng hạn những từ như "chiến binh" và "dân thường" được định nghĩa rõ ràng trong xung đột vũ

<sup>62</sup> Xem Nghị định thư bổ sung I, Điều 70(1) và Nghị định thư bổ sung II, Điều 18(2).

<sup>63</sup> Xem Yves Sandoz, Christophe Swinarski, Bruno Zimmermann (eds.), *Bình luận về các Nghị định thư bổ sung*, ICRC, Geneva, 1987, § 4885; và § 2805.

trang quốc tế,<sup>64</sup> thì trong xung đột không mang tính quốc tế lại có sự mập mờ trong thực tiễn ở chỗ là, để tiến hành chiến sự, liệu thành viên các nhóm vũ trang chống đối có được xem là thành viên lực lượng vũ trang hay là dân thường. Nhất là có điều không rõ liệu thành viên các nhóm vũ trang chống đối là dân thường bị mất đi sự bảo vệ và có thể bị tấn công khi trực tiếp tham gia vào chiến sự, hay là thành viên của những nhóm chống đối vũ trang đó có thể bị tấn công với tư cách như vậy. Luật hiệp ước cũng cho thấy sự mập mờ như vậy. Nghị định thư bổ sung II, chẳng hạn, không có một định nghĩa nào về dân thường hoặc về dân chúng, mặc dù những từ ngữ này được sử dụng ở nhiều điều khoản.<sup>65</sup> Các hiệp ước về sau, áp dụng trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, cũng sử dụng những từ dân thường và dân chúng mà không định nghĩa.<sup>66</sup>

Một lĩnh vực mập mờ khác có liên quan và ảnh hưởng đến việc điều chỉnh các xung đột vũ trang quốc tế lẫn phi quốc tế là không có một định nghĩa chính xác của cụm từ "trực tiếp tham gia vào chiến sự". Việc mất sự bảo hộ và bị tấn công là điều rõ ràng và không thể phản bác khi một người dân thường sử dụng vũ khí hoặc phương tiện khác để thực hiện hành động bạo lực chống lại con người hoặc vật chất của lực lượng địch. Nhưng cũng có rất nhiều thực tiễn không đưa ra hướng dẫn hoặc không hướng dẫn gì cả về việc giải thích cụm từ "trực tiếp tham gia", chẳng hạn khi chỉ nêu là cần phải tiến hành đánh giá từng trường hợp một hoặc đơn giản nhắc lại quy tắc chung là việc trực tiếp tham gia vào chiến sự khiến dân thường mất đi sự bảo hộ và có thể bị tấn công. Một vấn đề có liên quan là làm thế nào để xác định thân phận một người khi có nghi ngờ. Do những mập mờ đó, ICRC đã tìm cách làm rõ khái niệm trực tiếp tham gia bằng một loạt các cuộc họp chuyên gia bắt đầu vào năm 2003.<sup>67</sup>

---

<sup>64</sup> Xem *Luật tập quán nhân đạo quốc tế*, sdd. (note 4), Tập I, Quy tắc 3 (chiến binh), Quy tắc 4 (lực lượng vũ trang) và Quy tắc 5 (dân thường và dân chúng).

<sup>65</sup> Nghị định thư bổ sung II, Điều 13–15 và 17–18.

<sup>66</sup> Ví dụ xem Nghị định thư II sửa đổi của Công ước về một số vũ khí thông thường, Điều 3(7)–(11); Nghị định thư III của Công ước về một số vũ khí thông thường, Điều 2; Công ước Ô-ta-oa về việc cấm mìn sát thương, Lời mở đầu; Quy chế của Tòa án Hình sự quốc tế, Điều 8(2)(e)(i), (iii) và (viii).

<sup>67</sup> Ví dụ xem *Trực tiếp tham gia vào chiến sự theo Luật nhân đạo quốc tế*, Báo cáo của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Geneva, Tháng 9-2003, tại địa chỉ mạng [www.icrc.org](http://www.icrc.org).



Một vấn đề khác còn đề nghị là phạm vi và việc áp dụng chính xác nguyên tắc tương xứng khi tấn công. Công trình nghiên cứu đã cho thấy nguyên tắc này được ủng hộ rộng rãi, nhưng lại không làm rõ hơn những gì mà luật hiệp ước chứa đựng về việc làm thế nào để cân đối lợi ích quân sự và các thiệt hại ngẫu nhiên cho dân thường.

### **Một số vấn đề chọn lọc về việc tiến hành chiến sự**

Nghị định thư bổ sung I và II đã đưa vào một quy tắc mới, ngăn cấm tấn công các công trình và cơ sở chứa đựng những sức mạnh nguy hiểm, thậm chí khi những nơi này là mục tiêu quân sự, nếu việc tấn công đó có thể giải phóng những sức mạnh nguy hiểm và gây hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho dân chúng.<sup>68</sup> Người ta không rõ liệu những quy tắc cụ thể này đã trở thành tập quán chưa, nhưng thực tiễn cho thấy là các Quốc gia có ý thức về hiểm họa rất cao của những thiệt hại ngẫu nhiên nghiêm trọng khi tấn công những công trình và cơ sở đó dù cho chúng là những mục tiêu quân sự. Từ đó các Quốc gia đã thừa nhận là trong bất kỳ xung đột vũ trang nào cũng phải đặc biệt thận trọng khi tấn công để tránh giải phóng những sức mạnh nguy hiểm và gây ra hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho dân chúng, và người ta đã kết luận là đòi hỏi này thuộc về luật tập quán quốc tế áp dụng trong bất kỳ xung đột vũ trang nào.

Một quy tắc mới khác được đưa vào Nghị định thư bổ sung I là việc cấm sử dụng những phương pháp hoặc phương tiện chiến tranh nhằm hoặc có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và sâu rộng cho môi trường tự nhiên. Từ khi Nghị định thư bổ sung I được thông qua, nội dung ngăn cấm này đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong các thực tiễn Nhà nước đến mức nó đã kết tinh thành luật tập quán, mặc dù một số Quốc gia giữ lập trường dai dẳng là quy tắc này không áp dụng cho vũ khí hạt nhân và do vậy họ có thể không bị ràng buộc đối với các vũ khí hạt nhân.<sup>69</sup> Vượt ra ngoài phạm vi quy tắc cụ thể này, công trình nghiên cứu đã kết luận là môi trường tự nhiên được xem như vật thể dân sự và do đó được bảo hộ bởi cùng những nguyên tắc và quy tắc như những vật thể dân sự khác, cụ thể là các nguyên tắc phân biệt, tương xứng và đòi hỏi biện pháp đề phòng khi tấn công.

---

<sup>68</sup> Nghị định thư bổ sung I, Điều 56(1) (có những điều trừ lệ tiếp theo ở đoạn 2) và Nghị định thư bổ sung II, Điều 15 (không có trừ lệ).

<sup>69</sup> Xem *Luật tập quán nhân đạo quốc tế*, sdd. (note 4), Tập I, Quy tắc 45.

Điều này có nghĩa là không một bộ phận nào của môi trường tự nhiên có thể coi là mục tiêu tấn công, trừ phi đó là một mục tiêu quân sự, và hành vi tấn công một mục tiêu quân sự bị nghiêm cấm nếu nó có khả năng gây ra thiệt hại ngẫu nhiên quá mức cho môi trường so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu. Toà án Công lí quốc tế, chẳng hạn, khi cho ý kiến tư vấn về *vụ Vũ khí hạt nhân* đã nêu rằng "các Quốc gia phải xem xét những vấn đề về môi trường khi đánh giá những gì là cần thiết và cân xứng trong việc theo đuổi những mục tiêu quân sự chính đáng".<sup>70</sup> Còn nữa, các bên tham gia xung đột được yêu cầu phải có tất cả những biện pháp đề phòng có thể thực hiện được trong khi tiến hành chiến sự để tránh và giảm thiểu mọi thiệt hại ngẫu nhiên cho môi trường. Việc thiếu những chứng cứ khoa học chắc chắn về những tác động của một số hoạt động quân sự đối với môi trường không miễn cho một bên tham gia xung đột trách nhiệm phải có những biện pháp như vậy.<sup>71</sup>

Ngoài ra có những vấn đề không được đề cập đến trong các Nghị định thư bổ sung. Chẳng hạn, các Nghị định thư bổ sung không có bất kì điều khoản nào liên quan đến việc bảo vệ người và vật thể tham gia vào một sứ mạng gìn giữ hoà bình. Tuy nhiên, trong thực tiễn, những con người và vật thể như vậy đã được dành sự bảo hộ khỏi bị tấn công, tương đương như sự bảo hộ dành cho dân thường và vật thể dân sự. Kết quả là một quy tắc đã được phát triển trong các thực tiễn Nhà nước để cấm việc tấn công người và vật thể tham gia vào một sứ mạng gìn giữ hoà bình phù hợp với Hiến chương Liên Hiệp Quốc, chứng nào mà họ còn được hưởng sự bảo hộ dành cho dân thường và vật thể dân sự theo pháp luật nhân đạo quốc tế, và quy tắc này đã được đưa vào Quy chế của Toà án Hình sự quốc tế. Bây giờ nó đã thuộc về pháp luật tập quán quốc tế áp dụng cho bất kì loại xung đột vũ trang nào.<sup>72</sup>

Một số vấn đề liên quan đến tiến hành chiến sự do các Điều lệ La-Hay điều chỉnh. Những nội dung điều lệ này từ lâu đã được xem như tập quán trong xung đột vũ trang quốc tế.<sup>73</sup> Tuy nhiên một số quy tắc

---

<sup>70</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Tình hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân*, sđd. (note 8), § 30.

<sup>71</sup> Xem *Luật tập quán nhân đạo quốc tế*, sđd.. (note 4), Tập I, Quy tắc 44.

<sup>72</sup> Như trên, Quy tắc 33.

<sup>73</sup> Ví dụ xem Toà án Quân sự quốc tế tại Nuremberg, *Vụ các Tội phạm chiến tranh quan trọng*, Phán quyết, 1 tháng 10 năm 1946, Các Tư liệu chính thức, Tập I, trg. 253–254.

trong đó nay cũng được chấp nhận như tập quán trong xung đột vũ trang phi quốc tế. Chẳng hạn, các quy tắc lâu đời của pháp luật tập quán quốc tế cấm (1) việc phá hủy hoặc chiếm giữ tài sản của đối phương, trừ phi có yêu cầu bức thiết về quân sự, và (2) việc cướp bóc, đều được áp dụng trong xung đột vũ trang phi quốc tế. Cướp bóc là việc chiếm đoạt bằng vũ lực tài sản riêng của các thành phần đối phương để sử dụng cho cá nhân hoặc riêng tư.<sup>74</sup> Cả hai điều cấm không ảnh hưởng gì đến thực tiễn có tính tập quán là tịch thu như chiến lợi phẩm các trang thiết bị quân sự của bên đối phương.

Theo pháp luật tập quán quốc tế, các chỉ huy có thể tiến hành tiếp xúc không thù địch bằng bất kì phương tiện liên lạc nào, nhưng việc tiếp xúc như vậy phải dựa trên thiện ý. Thực tiễn cho thấy việc liên lạc có thể thực hiện thông qua người trung gian, gọi là *người thương thuyết*, nhưng cũng có thể bằng những phương tiện khác như điện thoại hoặc sóng vô tuyến. *Người thương thuyết* là người thuộc một bên xung đột được phép liên lạc với một bên xung đột khác và do đó là bất khả xâm phạm. Cách thức truyền thống để cho biết mình là người thương thuyết bằng cách tiến lên trước với một lá cờ trắng hiện nay vẫn còn sử dụng. Ngoài ra, còn một cách thực hiện được công nhận là các bên có thể nhờ đến một bên thứ ba để tạo sự liên lạc dễ dàng, ví dụ như một quyền lực bảo hộ hoặc một tổ chức nhân đạo trung lập và vô tư với vai trò thay thế, cụ thể là ICRC, nhưng cũng có thể là một tổ chức quốc tế hoặc một lực lượng gìn giữ hoà bình. Các thực tiễn đã được thu thập cho thấy là có nhiều tổ chức đã thực hiện vai trò trung gian ở các cuộc đàm phán trong những xung đột vũ trang cả quốc tế lẫn phi quốc tế, và điều này thường được chấp nhận. Các quy tắc chi phối vai trò người thương thuyết đều có từ thời các Điều lệ La-Hay và từ lâu đã được xem như tập quán trong xung đột vũ trang quốc tế. Trên cơ sở các thực tiễn diễn ra trong vòng 50 năm qua, các quy tắc đó cũng đã trở thành tập quán trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế.<sup>75</sup>

Thực tiễn cho thấy có hai chế độ pháp luật về bảo hộ tài sản văn hoá. Chế độ thứ nhất có từ thời kì các Điều lệ La-Hay và đòi hỏi phải

---

<sup>74</sup> Xem Các Yếu tố phạm tội theo Toà án Hình sự quốc tế, Cướp bóc xem như tội ác chiến tranh (Điều 8(2)(b)(xvi) và (e)(v) trong Quy chế của Toà án Hình sự quốc tế).

<sup>75</sup> Xem *Luật tập quán nhân đạo quốc tế*, sdd. (note 4), Tập I, Quy tắc 67–69.

có sự đề phòng đặc biệt trong các hoạt động quân sự để tránh làm hư hại những cơ sở dành cho các mục đích tôn giáo, nghệ thuật, khoa học, giáo dục hoặc từ thiện, và những công trình lịch sử, trừ phi chúng là những mục tiêu quân sự. Việc chiếm giữ, phá hủy hoặc cố ý làm hư hại những cơ sở và công trình như vậy cũng bị cấm. Các quy tắc đó từ lâu đã được xem là tập quán trong xung đột vũ trang quốc tế, thì nay cũng được chấp nhận là tập quán trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế.

Chế độ pháp luật thứ hai dựa trên các điều khoản cụ thể của Công ước La-Hay 1954 về bảo hộ tài sản văn hoá; Công ước này bảo hộ "tài sản có tầm quan trọng lớn đối với di sản văn hoá của mọi dân tộc" và đưa vào sử dụng một dấu hiệu phân biệt cụ thể để nhận diện những tài sản như vậy. Pháp luật tập quán ngày nay đòi hỏi rằng những vật thể như vậy không bị tấn công hoặc không bị sử dụng cho những mục đích có khả năng khiến chúng bị phá hủy hoặc hư hại, trừ phi có đòi hỏi bức thiết về quân sự. Mọi hình thức trộm cắp, cướp bóc hoặc biển thủ, và mọi hành động phá hoại nhắm vào những tài sản như vậy cũng đều bị nghiêm cấm. Các nội dung ngăn cấm này ứng với những điều khoản được đưa ra trong Công ước La-Hay và là chứng cứ cho thấy ảnh hưởng của Công ước đối với thực tiễn Nhà nước về việc bảo vệ tài sản văn hoá quan trọng.

## Vũ khí

Các nguyên tắc chung ngăn cấm việc sử dụng vũ khí gây thương tích hoặc đau đớn không cần thiết và vũ khí có tính chất sát thương bừa bãi đã được kết luận là tập quán trong bất kì xung đột vũ trang nào. Hơn nữa, và phần lớn là trên cơ sở các nguyên tắc này, các thực tiễn Nhà nước đã cấm việc sử dụng (hoặc một số kiểu sử dụng) một số những vũ khí cụ thể theo pháp luật tập quán quốc tế: chất độc hoặc vũ khí có chất độc; vũ khí sinh học; vũ khí hoá học; các chất kiểm soát bạo loạn được sử dụng như một phương thức chiến tranh; các chất diệt cỏ được sử dụng như một phương thức chiến tranh;<sup>76</sup> các loại đầu đạn

---

<sup>76</sup> Quy tắc này có liên quan đến một số những quy tắc khác thuộc pháp luật tập quán quốc tế, cụ thể là việc nghiêm cấm các vũ khí sinh học và hoá học; việc cấm tấn công vùng thực vật không phải là mục tiêu quân sự; việc cấm những cuộc tấn công có thể gây thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, gây thương tích cho dân thường, hư hại cho vật thể dân sự, hoặc gây thiệt hại kết hợp, và thiệt hại có thể là

dễ dàng nở ra hoặc dẹt đi trong cơ thể con người; các đầu đạn phát nổ bên trong cơ thể con người được sử dụng với mục đích sát thương binh lính; các vũ khí mà tác dụng chủ yếu là gây thương tích bằng những mảnh không phát hiện được bằng tia X trong cơ thể con người; các loại bẫy được gắn hoặc liên kết với những vật thể hay con người được dành sự bảo hộ đặc biệt theo pháp luật nhân đạo quốc tế hoặc với những vật thể có khả năng thu hút sự chú ý của dân thường; và các vũ khí la-de được thiết kế đặc biệt để có chức năng duy nhất là chiến đấu hoặc có một trong những chức năng chiến đấu nhằm gây mù vĩnh viễn cho những đối tượng mà thị lực không được tăng cường.

Một số vũ khí mặc dù không bị cấm theo luật tập quán nhưng vẫn bị những giới hạn. Đây là trường hợp, chẳng hạn, của mìn sát thương trên bộ và vũ khí gây cháy.

Phải có sự quan tâm đặc biệt để giảm thiểu các tác động bừa bãi của mìn sát thương. Chẳng hạn như nguyên tắc theo đó một bên trong xung đột khi sử dụng mìn sát thương phải ghi chép vị trí đặt mìn, trong chừng mực rõ nhất có thể. Khi chiến sự đã hoàn toàn kết thúc, bên trong xung đột đó phải gỡ bỏ hoặc làm cách nào khác để mìn không còn nguy hiểm cho dân thường, hoặc tạo sự dễ dàng cho việc gỡ mìn.

Với hơn 140 Quốc gia đã phê chuẩn Công ước Ô-ta-oa và một số khác đang chuẩn bị, phần lớn các Quốc gia đã chịu sự ràng buộc bởi hiệp ước này để ngưng sử dụng, sản xuất, tồn trữ và ngưng chuyển giao mìn sát thương trên bộ. Mặc dù việc ngăn cấm này hiện nay chưa thuộc về pháp luật tập quán quốc tế vì vẫn còn nhiều thực tiễn trái ngược ở những Quốc gia không tham gia Công ước, nhưng hầu như tất cả các Quốc gia, kể cả số không tham gia Công ước và chưa ủng hộ việc bãi bỏ mìn tức khắc, cũng đã công nhận nhu cầu phải hợp tác hướng đến việc loại trừ mìn sát thương trên bộ.

Việc sử dụng vũ khí gây cháy để sát thương bị nghiêm cấm, trừ phi không thể sử dụng một vũ khí ít nguy hại hơn để loại một người khỏi vòng chiến đấu. Hơn nữa, nếu sử dụng vũ khí này, thì phải đặc biệt quan tâm để tránh và giảm thiểu các thiệt hại ngẫu nhiên cho dân

---

quá mức so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu; và việc cấm gây thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và sâu rộng cho môi trường tự nhiên. Xem như trên, Quy tắc 76.

chúng, tránh gây thương tích cho dân thường và hư hại cho vật thể dân sự.

Hầu hết các quy tắc này ứng với những điều khoản hiệp ước mà ban đầu chỉ áp dụng cho xung đột vũ trang quốc tế. Khuynh hướng này dần dần đã được thay đổi, chẳng hạn bởi việc sửa đổi Nghị định thư II của Công ước về một số vũ khí thông thường vào năm 1996 để áp dụng cả cho các xung đột vũ trang phi quốc tế, và mới đây nhất là việc sửa đổi Công ước về một số vũ khí thông thường vào năm 2001 để mở rộng phạm vi áp dụng của các Nghị định thư I-IV cho các xung đột vũ trang phi quốc tế. Những ngăn cấm và hạn chế có tính tập quán nêu trên áp dụng cho bất kì xung đột vũ trang nào.

Khi ICRC nhận nhiệm vụ tiến hành khảo sát về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế, Toà án Công lí quốc tế lúc ấy đang xem xét tính hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, tiếp theo một yêu cầu của Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc xin ý kiến tư vấn về vấn đề đó. Vì vậy ICRC đã quyết định không tiến hành một phân tích riêng về vấn đề này. Trong ý kiến tư vấn, Toà án Công lí quốc tế đã nhất trí nhận định rằng "việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân cũng phải phù hợp với các đòi hỏi của luật pháp quốc tế áp dụng trong xung đột vũ trang, đặc biệt là của các nguyên tắc và quy tắc của luật pháp nhân đạo quốc tế."<sup>77</sup> Kết luận này là quan trọng, trong tình hình một số Quốc gia tiến hành đàm phán về Nghị định thư I trên cơ sở nhận thức là Nghị định thư này không áp dụng cho việc sử dụng vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, ý kiến của Toà có nghĩa là các quy tắc về tiến hành chiến sự và các nguyên tắc chung về việc sử dụng các vũ khí đều áp dụng cho việc sử dụng vũ khí hạt nhân. Áp dụng các nguyên tắc và quy tắc đó, Toà đã kết luận "việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân nói chung là trái với các quy tắc của luật pháp quốc tế áp dụng trong xung đột vũ trang, và đặc biệt là các nguyên tắc và quy tắc của luật pháp nhân đạo."<sup>78</sup>

---

<sup>77</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Tính hợp pháp của việc đe dọa hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân*, sđd. (note 8), trg. 226.

<sup>78</sup> Như trên; xem thêm Đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc, khoá 51, Ủy ban thứ nhất, Tuyên bố của Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, UN Doc. A/C.1/51/PV.8, 18 tháng 10 năm 1996, trg. 10, in lại trong *International Review of the Red Cross* (Tạp chí quốc tế của Chữ thập đỏ), No. 316, 1997, trg. 118–119 ("ICRC nhận thấy khó mà nhận định rằng việc sử dụng vũ khí hạt nhân lại có thể phù hợp với các quy tắc của luật pháp nhân đạo quốc tế").

## Các đảm bảo căn bản

Các đảm bảo căn bản áp dụng cho tất cả những dân thường nằm trong tay của một bên trong cuộc xung đột và những người này không tham gia trực tiếp hoặc đã ngừng tham gia trực tiếp vào chiến sự, và cũng áp dụng cho những người ở ngoài vòng chiến đấu. Bởi vì các đảm bảo căn bản là những quy tắc bao quát được áp dụng cho mọi người, nên trong công trình nghiên cứu chúng không được chia thành những quy tắc cụ thể liên quan đến những thành phần con người khác nhau.

Các đảm bảo căn bản đều có cơ sở vững chắc dựa trên pháp luật nhân đạo quốc tế áp dụng cho cả xung đột vũ trang quốc tế lẫn phi quốc tế. Trong công trình nghiên cứu, hầu hết các quy tắc liên quan đến các đảm bảo căn bản đều được diễn đạt bằng ngôn ngữ truyền thống của luật nhân đạo bởi vì đây là cách tốt nhất để phản ánh thực chất của quy tắc tập quán tương ứng.<sup>79</sup> Tuy nhiên, một số quy tắc đã được diễn đạt sao cho phản ánh nội dung cốt lõi của một loạt những điều khoản chi tiết liên quan đến một chủ đề cụ thể, đặc biệt là các quy tắc nghiêm cấm lao động cưỡng bức không đền bù hoặc lạm dụng, những vụ buộc mất tích và giam cầm tùy tiện, và quy tắc đòi hỏi phải tôn trọng cuộc sống gia đình.<sup>80</sup>

Khi thích đáng, thực tiễn liên quan đến pháp luật quốc tế về nhân quyền cũng đã được xem xét trong công trình nghiên cứu, đặc biệt là ở chương nói về các đảm bảo căn bản. Lí do ở chỗ là pháp luật quốc tế về nhân quyền tiếp tục được áp dụng trong xung đột vũ trang, như đã

---

<sup>79</sup> Những quy tắc này bao gồm các đảm bảo căn bản theo đó dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu phải được đối xử nhân đạo và không có sự phân biệt bất lợi; nghiêm cấm việc giết hại; nghiêm cấm việc tra tấn, đối xử vô nhân đạo hoặc tàn ác và xúc phạm đến nhân phẩm, nhất là làm nhục và đối xử tàn tệ; nghiêm cấm các nhục hình; nghiêm cấm việc gây tổn thương bộ phận cơ thể, các thí nghiệm y học hoặc khoa học; nghiêm cấm việc cưỡng hiếp và các hình thức bạo hành tình dục khác; nghiêm cấm nô dịch và buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức; nghiêm cấm việc bắt con tin; nghiêm cấm sử dụng con người làm lá chắn; các đảm bảo xét xử công bằng; nghiêm cấm hình phạt tập thể; và yêu cầu phải tôn trọng các tín ngưỡng và lối hành đạo của dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu. Xem Luật pháp tập quán nhân đạo quốc tế, *supra* note 4, Tập I, Quy tắc 87–94, 96–97 và 100–104.

<sup>80</sup> Như trên, Quy tắc 95, 98–99 và 105.

được quy định rõ ràng trong chính các hiệp ước về quyền con người, mặc dù một số điều khoản có thể bị vi phạm trong tình hình khẩn cấp công cộng và phụ thuộc một số điều kiện. Việc tiếp tục áp dụng pháp luật về quyền con người trong thời gian xung đột vũ trang đã được khẳng định nhiều lần trong thực tiễn Nhà nước và bởi các cơ quan giám sát về nhân quyền và Toà án Công lí quốc tế.<sup>81</sup> Gần đây nhất, trong ý kiến tư vấn về các hậu quả pháp lí của việc xây dựng một bức tường trong các lãnh thổ bị chiếm đóng của Palestin, Toà án đã khẳng định rằng "sự bảo hộ của các công ước về quyền con người không dừng lại khi có xung đột vũ trang" và nếu có những quyền chỉ thuộc riêng về pháp luật nhân đạo quốc tế hoặc pháp luật về nhân quyền, thì cũng có những quyền khác "có thể liên quan đến cả hai ngành này của pháp luật quốc tế".<sup>82</sup> Tuy nhiên, công trình nghiên cứu không nhằm đánh giá pháp luật tập quán về quyền con người. Thay vào đó, các thực tiễn về quyền con người đã được xem xét để nhằm bênh vực, củng cố và làm rõ các nguyên tắc tương tự của pháp luật nhân đạo quốc tế.

## Thi hành

Một số các quy tắc về việc thi hành pháp luật nhân đạo quốc tế đã thuộc về pháp luật tập quán quốc tế. Đặc biệt là mỗi bên trong cuộc xung đột phải tôn trọng và đảm bảo việc tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế bởi các lực lượng vũ trang của mình và bởi những người khác hoặc những nhóm người khác hành động thực tế theo các chỉ thị của mình hoặc dưới sự chỉ đạo hay kiểm soát của mình. Do đó, mỗi bên trong cuộc xung đột, kể cả những nhóm chống đối có vũ trang, phải cho lực lượng vũ trang của mình học tập về luật nhân đạo quốc tế. Ngoài những nghĩa vụ chung đó, vấn đề trở nên mập mờ hơn khi muốn biết, so với sự ràng buộc bởi những cơ chế thi hành khác mà các Quốc gia phải chịu, thì các nhóm vũ trang chống đối chấp nhận sự ràng buộc đó đến mức độ nào. Chẳng hạn, nghĩa vụ phải ban hành những mệnh lệnh và chỉ thị cho lực lượng vũ trang nhằm đảm bảo sự tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế thì được ấn định rõ ràng trong

---

<sup>81</sup> Như trên, Dẫn nhập Chương 32, Các đảm bảo căn bản.

<sup>82</sup> Toà án Công lí quốc tế, *Các hậu quả pháp lí của việc xây dựng một bức tường trong các lãnh thổ bị chiếm đóng của Palestin*, Ý kiến tư vấn, 9 tháng 7 năm 2004, § 106.



luật pháp quốc tế đối với Nhà nước nhưng không phải vậy đối với các nhóm vũ trang chống đối. Tương tự như vậy, Nhà nước có bổn phận phải cung ứng các cố vấn pháp lí khi cần thiết để tham mưu cho các chỉ huy quân sự ở cấp phù hợp về việc áp dụng pháp luật nhân đạo quốc tế, nhưng với các nhóm vũ trang chống đối thì lại không.

Hơn nữa, Nhà nước phải chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế mà nó có thể bị quy kết và có nghĩa vụ phải bồi thường đầy đủ những mất mát hoặc thiệt hại do các vi phạm đó gây ra. Điều không rõ ràng là liệu các nhóm vũ trang chống đối có chịu trách nhiệm tương tự về những vi phạm mà thành viên phía họ gây ra và trách nhiệm đó sẽ có những hệ quả gì. Như nêu ở trên, các nhóm vũ trang chống đối phải tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế và họ phải hoạt động dưới một "quyền chỉ huy có trách nhiệm".<sup>83</sup> Do vậy ta có thể lập luận rằng các nhóm vũ trang chống đối chịu trách nhiệm về những hành động do người phía họ gây ra. Tuy nhiên các hệ quả của trách nhiệm đó thì không rõ ràng. Đặc biệt là ta không thấy rõ các nhóm vũ trang chống đối có bổn phận sửa sai đầy đủ đến mức độ nào, mặc dù là ở nhiều nước các nạn nhân có thể khởi kiện dân sự đối với bên phạm tội để đòi bồi thường thiệt hại.

Về mặt trách nhiệm cá nhân, pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế quy trách nhiệm hình sự cho tất cả những người có hành động, ra lệnh hành động hoặc chịu trách nhiệm với tư cách là chỉ huy hay cấp trên về hành động tội ác chiến tranh. Các Quốc gia có nghĩa vụ áp dụng chế độ tội ác chiến tranh, nghĩa là tiến hành điều tra các tội ác chiến tranh và truy tố các nghi can. Các Quốc gia có thể thực hiện nghĩa vụ này bằng cách thiết lập những toà án quốc tế hoặc những toà án hỗn hợp nhằm mục đích đó.

## Kết luận

Công trình nghiên cứu không có ý đồ xác định tính chất tập quán của từng quy tắc hiệp ước trong pháp luật nhân đạo quốc tế mà đúng hơn là phân tích các vấn đề nhằm xác lập những quy tắc nào của pháp luật tập quán quốc tế có thể quy nạp được từ những thực tiễn Nhà nước có liên quan đến các vấn đề đó. Thế nhưng nhìn khái quát một số các kết luận của công trình nghiên cứu cho thấy là các nguyên tắc và

---

<sup>83</sup> Nghị định thư bổ sung II, Điều 1(1).

quy tắc của pháp luật hiệp ước đã được chấp nhận rộng rãi trong thực tiễn và đã ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành pháp luật tập quán quốc tế. Nhiều nguyên tắc và quy tắc đó nay đã thuộc về pháp luật tập quán quốc tế. Với tính cách đó chúng ràng buộc tất cả các Quốc gia, bất kể là có phê chuẩn các hiệp ước hay không, và cũng ràng buộc các nhóm vũ trang chống đối trong trường hợp các quy tắc áp dụng cho tất cả các bên trong một xung đột vũ trang phi quốc tế.

Công trình nghiên cứu cũng chỉ ra rằng nhiều quy tắc thuộc pháp luật tập quán quốc tế áp dụng cho cả các xung đột vũ trang quốc tế lẫn phi quốc tế và cho thấy là thực tiễn Nhà nước còn đi xa hơn pháp luật hiệp ước hiện hữu và đã mở rộng các quy tắc áp dụng cho xung đột vũ trang không mang tính quốc tế. Cách tiến hành chiến sự và việc đối xử với những con người trong các xung đột vũ trang nội bộ được quy định còn chi tiết và đầy đủ hơn những gì hiện có theo pháp luật hiệp ước. Nhưng vẫn còn phải xem xét, dưới góc độ nhân đạo và quân sự, liệu việc quy định chi tiết và đầy đủ hơn đó đã đủ chưa hay liệu pháp luật vẫn cần được phát triển thêm.

Cũng như pháp luật hiệp ước, việc thi hành hữu hiệu các quy tắc của pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế đòi hỏi phải có phổ biến, có tập huấn và có biện pháp thi hành. Các quy tắc đó cần được đưa vào các giáo trình quân sự và pháp luật quốc gia, bất kì ở đâu mà những điều này chưa thực hiện.

Công trình nghiên cứu cũng đã bộc lộ những lĩnh vực mà ở đó luật pháp chưa rõ ràng, và đặt ra những vấn đề cần làm rõ, như định nghĩa về dân thường trong xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, khái niệm tham gia trực tiếp vào chiến sự và phạm vi áp dụng nguyên tắc tương xứng.

Dưới ánh sáng của những gì đã đạt được cho đến nay và công việc còn phải thực hiện, ta không nên xem công trình như một kết thúc mà đúng hơn là khởi điểm của một quá trình mới nhắm đến việc tăng cường sự hiểu biết và sự đồng thuận về những nguyên tắc và quy tắc của pháp luật nhân đạo quốc tế. Trong quá trình đó, công trình nghiên cứu có thể làm cơ sở cho một cuộc thảo luận và đối thoại phong phú về việc thi hành luật pháp, về việc làm cho luật pháp được rõ ràng và khả năng pháp triển luật pháp.

## Phụ lục: Danh mục các quy tắc tập quán của pháp luật nhân đạo quốc tế

Danh mục này dựa trên các kết luận mà công trình nghiên cứu về pháp luật tập quán nhân đạo quốc tế đã đưa ra trong Tập I. Vì mục tiêu của công trình không phải là xác định tính chất tập quán của từng quy tắc hiệp ước của pháp luật nhân đạo quốc tế nên danh mục không nhất thiết theo sát cấu trúc của các hiệp ước hiện có. Phạm vi áp dụng của các quy tắc được nêu trong ngoặc vuông: từ viết tắt XDQT liên quan đến các quy tắc tập quán áp dụng trong xung đột vũ trang quốc tế, còn từ XDPQT chỉ các quy tắc tập quán áp dụng trong xung đột vũ trang phi quốc tế. Ở trường hợp sau, một vài quy tắc được nêu là "có thể" áp dụng, bởi vì thực tiễn nghiêng về hướng đó, nhưng ít phổ biến hơn.

### Nguyên tắc phân biệt

#### Phân biệt giữa dân thường và chiến binh

**Quy tắc 1.** Các bên trong xung đột phải luôn luôn phân biệt giữa dân thường và chiến binh. Tấn công chỉ nhằm vào chiến binh. Tấn công không được hướng vào dân thường. [XDQT/XDPQT]

**Quy tắc 2.** Các hành động bạo lực hoặc đe dọa bạo lực mà mục đích chủ yếu là reo rắc kinh hoàng trong dân chúng thì bị nghiêm cấm. [XDQT/XDPQT]

**Quy tắc 3.** Tất cả thành viên các lực lượng vũ trang của một bên trong cuộc xung đột đều là chiến binh, ngoại trừ các nhân viên y tế và tôn giáo. [XDQT]

**Quy tắc 4.** Các lực lượng vũ trang của một bên xung đột bao gồm tất cả những lực lượng, nhóm và đơn vị vũ trang có tổ chức, đặt dưới quyền chỉ huy có trách nhiệm với bên đó về hạnh kiểm của thuộc cấp. [XDQT]

**Quy tắc 5.** Dân thường là những người không phải là thành viên các lực lượng vũ trang. Dân chúng bao gồm tất cả những người là dân thường. [XDQT/XDPQT]

**Quy tắc 6.** Dân thường được bảo vệ không bị tấn công, trừ phi họ tham gia trực tiếp vào chiến sự và trong thời gian đó mà thôi. [XDQT/XDPQT]

## **Phân biệt giữa vật thể dân sự và mục tiêu quân sự**

**Quy tắc 7.** Các bên xung đột phải luôn luôn phân biệt giữa vật thể dân sự và mục tiêu quân sự. Tấn công chỉ nhắm vào mục tiêu quân sự. Tấn công không được hướng vào vật thể dân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 8.** Liên quan đến vật thể, các mục tiêu quân sự được giới hạn vào những vật thể mà do tính chất, vị trí, mục đích hoặc việc sử dụng khiến chúng đóng góp hữu hiệu vào hoạt động quân sự và sự phá hủy từng phần hay toàn bộ, việc bắt giữ hoặc vô hiệu hoá trong những hoàn cảnh nhất định vào lúc đó sẽ tạo ra một lợi thế quân sự chắc chắn. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 9.** Vật thể dân sự là tất cả những vật thể không phải là mục tiêu quân sự [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 10.** Vật thể dân sự được bảo vệ không bị tấn công, trừ phi nó là mục tiêu quân sự và trong thời gian đó mà thôi. [XĐQT/XĐPQT]

## **Tấn công bừa bãi**

**Quy tắc 11.** Tấn công bừa bãi bị nghiêm cấm. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 12.** Tấn công bừa bãi là những cuộc tấn công:

- a) không hướng vào một mục tiêu quân sự cụ thể;
- b) sử dụng phương thức hoặc phương tiện chiến đấu không thể hướng vào một mục tiêu quân sự cụ thể;
- c) sử dụng phương thức hoặc phương tiện chiến đấu mà tác dụng không thể giới hạn được như pháp luật nhân đạo quốc tế đòi hỏi;

và trong từng trường hợp như vậy, hậu quả của các cuộc tấn công đó là đánh vào những mục tiêu quân sự và dân thường hoặc những vật thể dân sự mà không có sự phân biệt. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 13.** Nghiêm cấm các vụ đánh bom bằng bất kì phương thức hoặc phương tiện nào mà xem một số mục tiêu quân sự rõ ràng tách biệt nằm trong một thành phố, một thị trấn, một ngôi làng hay khu vực có tập trung một số dân thường hoặc vật thể dân sự tương đương, như một mục tiêu quân sự đơn lẻ. [XĐQT/XĐPQT]

## Nguyên tắc tương xứng khi tấn công

**Quy tắc 14.** Nghiêm cấm những cuộc tấn công có thể gây thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, gây thương tích cho dân thường, hư hại cho vật thể dân sự, hoặc thiệt hại kết hợp, và có thể là quá mức so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu. [XĐQT/XĐPQT]

## Đề phòng khi tấn công

**Quy tắc 15.** Khi tiến hành các hoạt động quân sự, phải thường xuyên lưu ý để tránh làm hại dân chúng, dân thường và vật thể dân sự. Cần phải có tất cả những biện pháp đề phòng có thể để tránh và giảm thiểu trong mọi tình huống những thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, gây thương tích cho dân thường và hư hại cho vật thể dân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 16.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải làm mọi việc có thể để xác minh các mục tiêu tấn công đúng là mục tiêu quân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 17.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp đề phòng có thể khi lựa chọn các phương thức và phương tiện chiến tranh để tránh và giảm thiểu trong mọi tình huống những thương vong cho dân chúng, thương tích cho dân thường và hư hại cho vật thể dân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 18.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải làm mọi thứ có thể để đánh giá liệu việc tấn công có gây thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, thương tích cho dân thường, hư hại cho vật thể dân sự, hoặc thiệt hại kết hợp, và có thể là quá mức so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 19.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải làm mọi thứ có thể để huỷ bỏ hoặc hoãn một cuộc tấn công nếu mục tiêu xem ra không phải là một mục tiêu quân sự hoặc nếu cuộc tấn công có thể gây thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, thương tích cho dân thường, hư hại cho vật thể dân sự, hoặc thiệt hại kết hợp, và có thể là quá mức so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 20.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải có cảnh báo trước và hữu hiệu nếu các cuộc tấn công có khả năng ảnh hưởng đến dân chúng, trừ phi tình hình không cho phép. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 21.** Khi có thể lựa chọn giữa nhiều mục tiêu quân sự để đạt được lợi thế quân sự như nhau, thì phải chọn mục tiêu mà việc tấn công có khả năng gây ít nguy hiểm nhất cho mạng sống dân thường và vật thể dân sự. [XĐQT/có thể XĐPQT]

### **Đề phòng đối với tác động của các cuộc tấn công**

**Quy tắc 22.** Các bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp đề phòng có thể để bảo vệ dân chúng và vật thể dân sự nằm trong quyền lực của họ tránh các tác động của những cuộc tấn công. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 23.** Trong chừng mực có thể, mỗi bên trong cuộc xung đột phải tránh đặt các mục tiêu quân sự bên trong hoặc gần những khu vực đông dân cư. [XĐQT/có thể XĐPQT]

**Quy tắc 24.** Trong chừng mực có thể, mỗi bên trong cuộc xung đột phải di chuyển dân thường và vật thể dân sự nằm trong quyền lực của mình tránh xa các mục tiêu quân sự. [XĐQT/có thể XĐPQT]

### **Những con người và vật thể được bảo hộ cụ thể**

#### **Nhân viên và vật thể y tế và tôn giáo**

**Quy tắc 25.** Nhân viên y tế được bổ nhiệm chuyên trách về y tế phải được tôn trọng và bảo vệ trong mọi tình huống. Họ mất sự bảo hộ này nếu có những hành vi ngoài chức trách nhân đạo của họ gây nguy hại cho phía địch. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 26.** Nghiêm cấm việc trừng phạt một người vì đã thực hiện các chức trách y tế phù hợp với đạo đức y học và nghiêm cấm việc bắt buộc một người có tham gia hoạt động y tế phải thực hiện những hành vi trái với đạo đức y học. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 27.** Nhân viên tôn giáo được bổ nhiệm chuyên trách về tôn giáo phải được tôn trọng và bảo vệ trong mọi tình huống. Họ mất sự bảo hộ này nếu có những hành vi ngoài chức trách nhân đạo của họ gây nguy hại cho phía địch. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 28.** Các đơn vị y tế có nhiệm vụ chuyên trách về y tế phải được tôn trọng và bảo vệ trong mọi tình huống. Các đơn vị này mất sự bảo hộ nếu bị sử dụng ngoài chức trách nhân đạo của họ để gây những hành vi nguy hại cho phía địch. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 29.** Các phương tiện vận chuyển y tế chuyên trách về vận chuyển y tế phải được tôn trọng và bảo vệ trong mọi tình huống. Các phương tiện này mất sự bảo hộ nếu bị sử dụng ngoài chức trách nhân đạo của họ để gây những hành vi nguy hại cho phía địch.  
[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 30.** Nghiêm cấm các cuộc tấn công hướng vào nhân viên và vật thể y tế và tôn giáo có trưng những biểu tượng phân biệt của các Công ước Gionevơ phù hợp với luật pháp quốc tế.  
[XĐQT/XĐPQT]

### **Nhân viên và vật thể cứu trợ nhân đạo**

**Quy tắc 31.** Nhân viên cứu trợ nhân đạo phải được tôn trọng và bảo vệ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 32.** Vật thể sử dụng cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo phải được tôn trọng và bảo vệ. [XĐQT/XĐPQT]

### **Nhân viên và vật thể tham gia sứ mạng gìn giữ hoà bình**

**Quy tắc 33.** Nghiêm cấm việc tấn công hướng vào nhân viên và vật thể tham gia sứ mạng gìn giữ hoà bình phù hợp với Hiến chương Liên Hiệp Quốc, chừng nào mà họ còn hưởng sự bảo hộ dành cho dân thường và vật thể dân sự theo pháp luật nhân đạo quốc tế.  
[XĐQT/XĐPQT]

### **Nhà báo**

**Quy tắc 34.** Các nhà báo dân sự thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong những vùng có xung đột vũ trang phải được tôn trọng và bảo hộ chừng nào mà họ không tham gia trực tiếp vào chiến sự.  
[XĐQT/XĐPQT]

### **Khu vực được bảo hộ**

**Quy tắc 35.** Nghiêm cấm việc tấn công hướng vào một khu vực được thiết lập để người bị thương, bị bệnh và dân thường trú ẩn tránh các tác động của chiến sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 36.** Nghiêm cấm việc tấn công hướng vào một khu vực phi quân sự đã được sự thỏa thuận giữa các bên xung đột.  
[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 37.** Nghiêm cấm việc tấn công hướng vào một địa điểm không phòng thủ. [XĐQT/XĐPQT]

### **Tài sản văn hoá**

**Quy tắc 38.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải tôn trọng các tài sản văn hoá:

- A. Phải đặc biệt chú ý trong các hoạt động quân sự để tránh gây thiệt hại cho các cơ sở dành cho tôn giáo, nghệ thuật, khoa học, giáo dục hoặc mục đích từ thiện và các đền đài lịch sử, trừ phi chúng là những mục tiêu quân sự.
- B. Tài sản có tầm quan trọng lớn đối với di sản văn hoá của các dân tộc không được xem là mục tiêu tấn công, trừ phi có yêu cầu bức thiết về quân sự.

[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 39.** Trừ phi có yêu cầu bức thiết về quân sự, nghiêm cấm việc sử dụng các tài sản có tầm quan trọng lớn đối với di sản văn hoá của các dân tộc vào những mục đích khiến chúng có thể bị phá hủy hoặc bị hư hại. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 40.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải bảo vệ các tài sản văn hoá:

- A. Nghiêm cấm mọi hành vi chiếm giữ, phá hủy hoặc cố ý làm hư hại những cơ sở dành cho tôn giáo, hoạt động từ thiện, giáo dục, nghệ thuật và khoa học, các đền đài lịch sử và các công trình nghệ thuật và khoa học.
- B. Nghiêm cấm mọi hình thức trộm cắp, cướp bóc hoặc biển thủ và mọi hành động phá hoại nhắm vào các tài sản có tầm quan trọng lớn đối với di sản của các dân tộc.

[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 41.** Quyền lực chiếm đóng phải ngăn cản việc xuất khẩu bất hợp pháp các tài sản văn hoá của lãnh thổ bị chiếm đóng và phải trả lại cho các giới chức thẩm quyền của lãnh thổ bị chiếm đóng số tài sản đã bị xuất khẩu bất hợp pháp. [XĐQT]

### **Công trình và cơ sở có chứa những sức mạnh nguy hiểm**

**Quy tắc 42.** Cần phải có những biện pháp đề phòng đặc biệt khi tấn công các công trình và cơ sở có chứa những sức mạnh nguy hiểm, cụ thể như đập, đê và nhà máy điện hạt nhân, cũng như các cơ sở khác



nằm ở đó hay gần đó, nhằm tránh giải phóng những sức mạnh nguy hiểm và gây những hậu quả thiệt hại nghiêm trọng cho dân chúng.  
[XĐQT/XĐPQT]

## Môi trường tự nhiên

**Quy tắc 43.** Các nguyên tắc chung về việc tiến hành chiến sự cũng áp dụng cho môi trường tự nhiên:

- A. Không được tấn công bất kì bộ phận nào của môi trường tự nhiên, trừ phi đó là một mục tiêu quân sự.
- B. Nghiêm cấm việc phá hủy bất kì bộ phận nào của môi trường tự nhiên, trừ phi có yêu cầu bức thiết về quân sự.
- C. Nghiêm cấm việc tấn công một mục tiêu quân sự nếu nó có khả năng gây ra thiệt hại ngẫu nhiên quá mức cho môi trường so với lợi thế quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trù liệu.

[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 44.** Phải có sự quan tâm đầy đủ đến việc bảo vệ và giữ gìn môi trường tự nhiên khi sử dụng các phương thức và phương tiện chiến tranh. Khi tiến hành các hoạt động quân sự, cần phải có mọi biện pháp đề phòng có thể thực hiện được để tránh và giảm thiểu các thiệt hại ngẫu nhiên cho môi trường. Việc thiếu những chứng cứ khoa học chắc chắn về những tác động của một số hoạt động quân sự đối với môi trường không miễn cho một bên tham gia xung đột trách nhiệm phải có những biện pháp như vậy. [XĐQT/có thể XĐPQT]

**Quy tắc 45.** Nghiêm cấm việc sử dụng những phương thức hoặc phương tiện chiến tranh có ý đồ hoặc có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và sâu rộng cho môi trường tự nhiên. Không được sử dụng việc phá hủy môi trường tự nhiên như một vũ khí.  
[XĐQT/có thể XĐPQT]

## Những phương thức chiến tranh cụ thể

### Giết không tha

**Quy tắc 46.** Nghiêm cấm việc ra lệnh giết không tha, việc đe dọa đối phương như vậy và việc tiến hành chiến tranh trên cơ sở đó.  
[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 47.** Nghiêm cấm việc tấn công những người được nhìn nhận là đã ở ngoài vòng chiến đấu. Người ở ngoài vòng chiến đấu là:

- a) bất kì ai ở trong tay bên đối địch;
  - b) bất kì ai không có khả năng tự vệ vì đã bất tỉnh, bị đắm tàu, bị thương hay bị bệnh; hoặc
  - c) bất kì ai biểu lộ rõ ràng ý định đầu hàng;
- với điều kiện là người đó không có bất kì hành động thù địch nào và không toan tính bỏ trốn.  
[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 48.** Nghiêm cấm việc tấn công những người nhảy dù khỏi một máy bay lâm nạn và đang bay xuống đất. [XĐQT/XĐPQT]

### **Phá hủy và chiếm giữ tài sản**

**Quy tắc 49.** Các bên trong cuộc xung đột có thể thu giữ trang thiết bị quân sự của đối phương với tư cách là chiến lợi phẩm. [XĐQT]

**Quy tắc 50.** Nghiêm cấm việc phá hủy hoặc thu giữ tài sản của đối phương, trừ phi có yêu cầu bức thiết về quân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 51.** Trên lãnh thổ bị chiếm đóng:

- a) động sản công có thể sử dụng cho các hoạt động quân sự thì có thể bị tịch thu;
- b) bất động sản công phải được quản lí đúng theo quy tắc về hoa lợi; và
- c) tài sản tư phải được tôn trọng và không thể tịch thu, ngoại trừ nếu có đòi hỏi bức thiết về quân sự phải phá hủy hoặc thu giữ những tài sản đó. [XĐQT]

**Quy tắc 52.** Nghiêm cấm việc cướp bóc. [XĐQT/XĐPQT]

### **Nạn đói và việc tiếp cận cứu trợ nhân đạo**

**Quy tắc 53.** Nghiêm cấm sử dụng nạn đói đối với dân chúng như một phương thức chiến tranh. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 54.** Nghiêm cấm tấn công, phá hủy, lấy đi hoặc khiến trở nên vô dụng những vật thiết yếu cho sự sống còn của dân chúng. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 55.** Các bên trong cuộc xung đột phải cho phép và tạo sự dễ dàng cho việc vận chuyển hàng cứu trợ nhân đạo nhanh chóng và thông suốt đến dân thường gặp khó khăn, việc cứu trợ này là vô tư, được tiến hành không có sự phân biệt bất lợi nào và các bên có quyền kiểm soát. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 56.** Các bên trong cuộc xung đột phải đảm bảo cho nhân viên cứu trợ nhân đạo đã được cấp phép việc tự do đi lại cần thiết để họ thực hiện chức trách. Việc tự do đi lại của họ chỉ có thể bị giới hạn tạm thời khi có yêu cầu bức thiết về quân sự. [XĐQT/XĐPQT]

### Lừa gạt

**Quy tắc 57.** Các mưu kế chiến tranh không bị cấm, miễn là không vi phạm các quy tắc của pháp luật nhân đạo quốc tế. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 58.** Nghiêm cấm việc sử dụng sai trái lá cờ trắng ngưng chiến. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 59.** Nghiêm cấm việc sử dụng sai trái các biểu tượng phân biệt của Công ước Ginevơ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 60.** Nghiêm cấm việc sử dụng biểu tượng và đồng phục của Liên Hiệp Quốc, trừ phi được tổ chức này cho phép. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 61.** Nghiêm cấm việc sử dụng sai trái các biểu tượng phân biệt khác được quốc tế công nhận. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 62.** Nghiêm cấm việc sử dụng sai trái các lá cờ hoặc biểu tượng, huy hiệu hay đồng phục quân sự của đối phương. [XĐQT/có thể XĐPQT]

**Quy tắc 63.** Nghiêm cấm việc sử dụng các lá cờ hoặc biểu tượng, huy hiệu hay đồng phục quân sự của các Quốc gia trung lập hoặc các Quốc gia khác không tham gia xung đột. [XĐQT/có thể XĐPQT]

**Quy tắc 64.** Nghiêm cấm việc kí kết thỏa thuận ngưng chiến với ý đồ đột kích đối phương đang tin tưởng vào thỏa thuận đó. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 65.** Nghiêm cấm việc giết hại, làm bị thương hoặc bắt giữ kẻ địch bằng cách xảo trá. [XĐQT/XĐPQT]

### Liên lạc với phía địch

**Quy tắc 66.** Các chỉ huy trưởng có thể có những tiếp xúc không thù địch với nhau bằng bất kì phương tiện liên lạc nào. Các tiếp xúc này phải dựa trên thiện ý. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 67.** Người thương thuyết được hưởng quyền bất khả xâm phạm. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 68.** Các chỉ huy trưởng có thể có những biện pháp đề phòng cần thiết để tránh những thiệt hại do sự hiện diện của người thương thuyết. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 69.** Người thương thuyết mà lợi dụng tư cách đặc quyền của mình để có hành vi trái ngược với pháp luật quốc tế và gây thiệt hại cho đối phương sẽ mất quyền bất khả xâm phạm. [XĐQT/XĐPQT]

## **Vũ khí**

### **Các nguyên tắc chung về việc sử dụng vũ khí**

**Quy tắc 70.** Nghiêm cấm việc sử dụng những phương tiện và phương thức chiến tranh có tính chất gây thương tích hay đau đớn không cần thiết. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 71.** Nghiêm cấm việc sử dụng những vũ khí có tính chất đánh phá bừa bãi. [XĐQT/XĐPQT]

### **Chất độc**

**Quy tắc 72.** Nghiêm cấm việc sử dụng chất độc hoặc những vũ khí có chất độc. [XĐQT/XĐPQT]

### **Vũ khí sinh học**

**Quy tắc 73.** Nghiêm cấm việc sử dụng những vũ khí sinh học. [XĐQT/XĐPQT]

### **Vũ khí hoá học**

**Quy tắc 74.** Nghiêm cấm việc sử dụng những vũ khí hoá học. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 75.** Nghiêm cấm việc sử dụng những chất chống bạo loạn như là một phương thức chiến tranh. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 76.** Nghiêm cấm việc sử dụng những chất diệt cỏ như là một phương thức chiến tranh nếu các chất đó:

- a) có tính chất là những vũ khí hoá học bị cấm;
- b) có tính chất là những vũ khí sinh học bị cấm;
- c) được sử dụng chống một vùng thực vật không phải là mục tiêu quân sự;

- d) có thể gây thương vong ngẫu nhiên cho dân chúng, gây thương tích cho dân thường, hư hại cho vật thể dân sự, hoặc thiệt hại kết hợp, và có thể là quá mức so với lợi thể quân sự trực tiếp và cụ thể đã được trừ liệu; hoặc
- e) có khả năng gây thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài và sâu rộng cho môi trường tự nhiên.

[XĐQT/XĐPQT]

### **Đầu đạn giãn nở**

**Quy tắc 77.** Nghiêm cấm việc sử dụng những đầu đạn dễ dàng nổ ra hoặc dẹt đi trong cơ thể con người. [XĐQT/XĐPQT]

### **Đầu đạn nổ**

**Quy tắc 78.** Nghiêm cấm việc sử dụng những đầu đạn phát nổ bên trong cơ thể con người để sát thương. [XĐQT/XĐPQT]

### **Vũ khí chủ yếu gây thương tích bằng những mảnh vỡ không phát hiện được**

**Quy tắc 79.** Nghiêm cấm việc sử dụng những vũ khí mà tác dụng chủ yếu là gây thương tích bằng những mảnh vỡ không phát hiện được bằng tia X trong cơ thể con người. [XĐQT/XĐPQT]

### **Bẫy**

**Quy tắc 80.** Nghiêm cấm việc sử dụng các loại bẫy được gắn hoặc liên kết với những vật thể hay con người được dành sự bảo hộ đặc biệt theo pháp luật nhân đạo quốc tế hoặc với những vật thể có khả năng thu hút sự chú ý của dân thường. [XĐQT/XĐPQT]

### **Mìn trên bộ**

**Quy tắc 81.** Khi sử dụng mìn trên bộ, phải đặc biệt chú ý để giảm thiểu các tác dụng bừa bãi. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 82.** Một bên trong cuộc xung đột khi sử dụng mìn trên bộ phải ghi chép vị trí đặt mìn, trong chừng mực rõ nhất có thể. [XĐQT/có thể XĐPQT]

**Quy tắc 83.** Khi chiến sự đã hoàn toàn kết thúc, bên trong cuộc xung đột đã sử dụng mìn trên bộ phải gỡ bỏ hoặc làm cách nào khác để mìn không còn nguy hiểm cho dân thường, hoặc tạo sự dễ dàng cho việc gỡ mìn. [XĐQT/XĐPQT]

### **Vũ khí gây cháy**

**Quy tắc 84.** Nếu sử dụng vũ khí gây cháy, thì phải đặc biệt chú ý để tránh và giảm thiểu các thiệt hại ngẫu nhiên cho dân chúng, tránh gây thương tích cho dân thường và hư hại cho vật thể dân sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 85.** Việc sử dụng vũ khí gây cháy để sát thương bị nghiêm cấm, trừ phi không thể sử dụng một vũ khí ít nguy hại hơn để loại một người khỏi vòng chiến đấu. [XĐQT/XĐPQT]

### **Vũ khí la-de gây mù**

**Quy tắc 86.** Nghiêm cấm việc sử dụng các vũ khí la-de được thiết kế đặc biệt để có chức năng duy nhất là chiến đấu hoặc có một trong những chức năng chiến đấu nhằm gây mù vĩnh viễn cho những đối tượng mà thị lực không được tăng cường. [XĐQT/XĐPQT]

## **Đối xử với dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu**

### **Các đảm bảo căn bản**

**Quy tắc 87.** Dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu phải được đối xử nhân đạo. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 88.** Khi áp dụng pháp luật nhân đạo quốc tế, nghiêm cấm việc phân biệt bất lợi dựa trên chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, chính kiến hoặc tư tưởng khác, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội, giàu nghèo, tình trạng xuất thân hoặc thân phận khác, hoặc trên bất kì tiêu chí nào tương tự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 89.** Nghiêm cấm việc giết hại. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 90.** Nghiêm cấm việc tra tấn, đối xử vô nhân đạo hoặc tàn ác và xúc phạm đến nhân phẩm, nhất là làm nhục và đối xử tàn tệ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 91.** Nghiêm cấm các nhục hình. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 92.** Nghiêm cấm việc gây tổn thương bộ phận cơ thể, các thí nghiệm y học hoặc khoa học hoặc bất kì hành vi y học nào khác không xuất phát từ chính tình trạng sức khoẻ của đương sự và không phù hợp với những chuẩn mực y học đã được chấp nhận phổ biến. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 93.** Nghiêm cấm việc cưỡng dâm và các hình thức bạo hành tình dục khác. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 94.** Nghiêm cấm nô dịch và buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 95.** Nghiêm cấm lao động cưỡng bức không đền bù hoặc lạm dụng. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 96.** Nghiêm cấm bắt con tin. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 97.** Nghiêm cấm sử dụng người làm lá chắn sống. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 98.** Nghiêm cấm việc buộc mắt tích. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 99.** Nghiêm cấm việc tùy tiện tước quyền tự do. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 100.** Không ai có thể bị kết tội hoặc bị tuyên án mà chưa qua xét xử công bằng với tất cả những đảm bảo tư pháp thiết yếu. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 101.** Không ai có thể bị buộc tội hoặc bị kết tội vì những hành động hoặc thiếu sót không cấu thành một tội phạm hình sự theo pháp luật quốc gia hoặc pháp luật quốc tế tại thời điểm thực hiện; cũng không thể áp đặt một hình phạt nặng hơn hình phạt được áp dụng tại thời điểm vi phạm. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 102.** Không ai có thể bị kết tội vì một vi phạm mà không phải là trên cơ sở trách nhiệm hình sự cá nhân. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 103.** Nghiêm cấm các hình phạt tập thể. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 104.** Phải tôn trọng tín ngưỡng và lối hành đạo của dân thường và những người ở ngoài vòng chiến đấu. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 105.** Phải tôn trọng cuộc sống gia đình trong chừng mực nhiều nhất có thể. [XĐQT/XĐPQT]

### **Chiến binh và quy chế tù binh chiến tranh**

**Quy tắc 106.** Các chiến binh phải phân biệt mình với dân chúng khi tham gia một cuộc tấn công hoặc một hoạt động quân sự chuẩn bị

cho tấn công. Nếu không tuân thủ điều này, họ sẽ không hưởng quy chế tù binh chiến tranh. [XĐQT]

**Quy tắc 107.** Các chiến binh bị bắt khi đang thực hiện hoạt động gián điệp không được hưởng quy chế tù binh chiến tranh. Họ không thể bị kết tội hoặc tuyên án mà không qua xét xử. [XĐQT]

**Quy tắc 108.** Những người đánh thuê, theo định nghĩa tại Nghị định thư bổ sung I, không được hưởng quy chế chiến binh hoặc tù binh chiến tranh. Họ không thể bị kết tội hoặc tuyên án mà không qua xét xử. [XĐQT]

### **Người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu**

**Quy tắc 109.** Bất cứ khi nào tình hình cho phép, và đặc biệt sau mỗi lần giao chiến, mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp có thể và không chậm trễ để tìm kiếm, thu nhặt và sơ tán người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu mà không có sự phân biệt bất lợi nào. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 110.** Người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu phải nhận được, trong chừng mực đầy đủ nhất và trong thời gian sớm nhất có thể, các chăm sóc y tế theo tình trạng sức khỏe của họ đòi hỏi. Không được có sự phân biệt nào giữa họ với nhau dựa trên bất kì tiêu chuẩn nào khác hơn là lí do sức khỏe. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 111.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp có thể để bảo vệ người bị thương, bị bệnh và bị đắm tàu không bị ngược đãi và tài sản cá nhân không bị cướp bóc. [XĐQT/XĐPQT]

### **Người chết**

**Quy tắc 112.** Bất cứ khi nào tình hình cho phép, và đặc biệt sau mỗi lần giao chiến, mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp có thể và không chậm trễ để tìm kiếm, thu nhặt và sơ tán người chết mà không có sự phân biệt bất lợi nào. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 113.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp có thể để ngăn ngừa không để người chết bị bóc lột. Nghiêm cấm việc gây tổn thương bộ phận cơ thể người chết. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 114.** Các bên trong cuộc xung đột phải nỗ lực tạo sự dễ dàng cho việc trao trả hài cốt người chết theo yêu cầu của bên có người chết hoặc theo yêu cầu của người thân. Tư trang của người chết phải được các bên trao trả. [XĐQT]



**Quy tắc 115.** Người chết phải được an táng với đầy đủ nghi thức và mồ mã phải được tôn trọng và giữ gìn cẩn thận. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 116.** Nhằm mục đích nhận diện người chết, mỗi bên trong cuộc xung đột phải ghi chép mọi thông tin có được trước khi an táng và đánh dấu vị trí mồ mã. [XĐQT/XĐPQT]

### **Người mất tích**

**Quy tắc 117.** Mỗi bên trong cuộc xung đột phải có mọi biện pháp có thể thực hiện để làm rõ số phận của những người được cho là mất tích do xung đột vũ trang và phải báo cho gia đình họ biết bất kì thông tin nào có được. [XĐQT/XĐPQT]

### **Người bị tước mất tự do**

**Quy tắc 118.** Những người bị tước mất tự do phải được cung cấp đủ thức ăn, nước uống, quần áo, chỗ ở và sự chăm sóc y tế. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 119.** Phụ nữ bị tước mất tự do phải được giữ ở khu vực tách biệt với khu vực của nam giới, trừ phi họ ở theo đơn vị gia đình, và phải được đặt dưới sự giám sát trực tiếp của phụ nữ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 120.** Trẻ con bị tước mất tự do phải được giữ ở khu vực tách biệt với khu vực của người lớn, trừ phi chúng ở theo đơn vị gia đình. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 121.** Những người bị tước mất tự do phải được giữ ở những cơ sở cách xa vùng chiến sự và đảm bảo sức khỏe và vệ sinh cho họ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 122.** Nghiêm cấm việc cướp bóc tư trang của những người bị tước mất tự do. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 123.** Thông tin cá nhân của những người bị tước mất tự do phải được ghi chép. [XĐQT/XĐPQT]

#### **Quy tắc 124.**

A. Trong các xung đột vũ trang quốc tế, ICRC phải được phép tiếp cận đều đặn tất cả những người bị tước mất tự do để nhằm kiểm tra các điều kiện giam giữ và phục hồi liên lạc giữa họ và gia đình họ. [XĐQT]

B. Trong các xung đột vũ trang không mang tính quốc tế, ICRC có thể đứng ra đề nghị giúp đỡ các bên xung đột nhằm mục

đích đi thăm tất cả những người bị tước mất tự do vì những lí do liên quan đến xung đột để nhằm kiểm tra các điều kiện giam giữ và phục hồi liên lạc giữa họ và gia đình họ. [XĐPQT]

**Quy tắc 125.** Những người bị tước mất tự do phải được phép liên lạc thư tín với gia đình, với những điều kiện hợp lí về tần suất liên lạc và yêu cầu kiểm duyệt bởi nhà chức trách. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 126.** Dân thường bị quản thúc và những người bị tước mất tự do liên quan đến một cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế phải được phép tiếp người thăm, đặc biệt là người thân của họ, trong chừng mực có thể thực hiện được. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 127.** Tín ngưỡng cá nhân và cách hành đạo của những người bị tước mất tự do phải được tôn trọng. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 128.**

A. Tù binh chiến tranh phải được phóng thích và hồi hương không chậm trễ sau khi chiến sự hoàn toàn kết thúc. [XĐQT]

B. Dân thường bị quản thúc phải được phóng thích ngay khi những lí do cần thiết cho việc quản thúc không còn nữa, nhưng phải càng sớm càng tốt sau khi chiến sự hoàn toàn kết thúc. [XĐQT]

C. Những người bị tước mất tự do liên quan đến một cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế phải được phóng thích ngay khi những lí do khiến họ bị tước mất tự do không còn nữa. [XĐPQT]

Những người vừa nêu có thể tiếp tục bị mất tự do nếu đang bị xét xử về hình sự hoặc đang chịu án đã được xét xử hợp pháp.

## **Người di cư**

**Quy tắc 129.**

A. Các bên trong một cuộc xung đột vũ trang quốc tế không được lưu đày hoặc cưỡng bức di chuyển toàn bộ hay từng phần dân chúng của một lãnh thổ bị chiếm đóng, trừ phi an ninh của dân thường hoặc yêu cầu bức thiết về quân sự đòi hỏi như vậy. [XĐQT]

B. Các bên trong một cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế không được ra lệnh di chuyển toàn bộ hay từng phần dân chúng vì những lí do liên quan đến cuộc xung đột, trừ phi an ninh của

dân thường hoặc yêu cầu bức thiết về quân sự đòi hỏi như vậy.

[XĐPQT]

**Quy tắc 130.** Các Quốc gia không được lưu đày hoặc di chuyển từng phần dân chúng của chính họ vào một lãnh thổ mà họ chiếm đóng. [XĐQT]

**Quy tắc 131.** Trong trường hợp di cư, phải thực hiện mọi biện pháp có thể để đảm bảo là dân thường được tiếp nhận trong những điều kiện thỏa đáng về nơi ở, vệ sinh, sức khỏe, an toàn và dinh dưỡng, và đảm bảo là các thành viên cùng một gia đình không bị ly tán. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 132.** Những người di cư có quyền trở về nhà họ hoặc nơi thường trú một cách tự nguyện và trong điều kiện an toàn ngay khi các lí do khiến họ phải di cư không còn nữa. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 133.** Các quyền về tài sản của người di cư phải được tôn trọng. [XĐQT/XĐPQT]

### **Những thành phần con người khác được hưởng sự bảo vệ đặc biệt**

**Quy tắc 134.** Các nhu cầu đặc biệt về bảo hộ, sức khỏe và cứu trợ của phụ nữ bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang phải được tôn trọng. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 135.** Trẻ con bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang được quyền hưởng sự tôn trọng và bảo hộ đặc biệt. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 136.** Không được tuyển dụng trẻ con vào các lực lượng vũ trang hoặc các nhóm vũ trang. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 137.** Trẻ con không được phép tham gia vào chiến sự. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 138.** Người già, người tàn tật, người ốm yếu bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang được quyền hưởng sự tôn trọng và bảo hộ đặc biệt. [XĐQT/XĐPQT]

## **Thực thi**

### **Tuân thủ pháp luật nhân đạo quốc tế**

**Quy tắc 139.** Mỗi bên trong xung đột phải tôn trọng và đảm bảo sự tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế bởi các lực lượng vũ trang của bên mình và bởi những người hoặc nhóm người hành động thực tế

theo các chỉ thị hoặc chịu sự chỉ đạo hay kiểm soát của bên mình. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 140.** Nghĩa vụ tôn trọng và đảm bảo sự tôn trọng pháp luật nhân đạo quốc tế không phụ thuộc vào tính có qua có lại. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 141.** Mỗi Quốc gia phải cung ứng các cố vấn pháp lí khi cần thiết để tham mưu cho các chỉ huy quân sự ở cấp phù hợp về việc áp dụng pháp luật nhân đạo quốc tế. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 142.** Các Quốc gia và các bên xung đột phải tổ chức tập huấn về pháp luật nhân đạo quốc tế cho các lực lượng vũ trang của mình. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 143.** Các Quốc gia phải khuyến khích việc giảng dạy pháp luật nhân đạo quốc tế cho dân chúng. [XĐQT/XĐPQT]

### **Thực thi pháp luật nhân đạo quốc tế**

**Quy tắc 144.** Các Quốc gia không được khuyến khích việc vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế bởi các bên trong cuộc xung đột vũ trang. Các Quốc gia phải sử dụng ảnh hưởng của mình, trong chừng mực có thể, để ngăn chặn các vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 145.** Trong những trường hợp không bị pháp luật quốc tế cấm, việc trả đũa phụ thuộc vào những điều kiện rất chặt chẽ. [XĐQT]

**Quy tắc 146.** Nghiêm cấm hành động trả đũa đối với những người được các Công ước Gionevơ bảo vệ. [XĐQT]

**Quy tắc 147.** Nghiêm cấm hành động trả đũa đối với những vật thể được bảo vệ bởi các Công ước Gionevơ và Công ước La-Hay bảo hộ các tài sản văn hoá. [XĐQT]

**Quy tắc 148.** Các bên trong xung đột vũ trang phi quốc tế không có quyền sử dụng các biện pháp trả đũa. Nghiêm cấm các biện pháp đối phó khác đối với những người không tham gia trực tiếp hoặc không còn tham gia trực tiếp vào chiến sự. [XĐPQT]

### **Trách nhiệm và bồi thường**

**Quy tắc 149.** Một Quốc gia phải chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế mà Quốc gia đó bị quy kết, bao gồm:

- a) các hành động vi phạm bởi các cơ quan của Quốc gia đó, kể cả lực lượng vũ trang;

- b) các hành động vi phạm bởi những người hoặc thực thể mà Quốc gia đó đã trao những quyền hành có tính chất chính quyền;
- c) các hành động vi phạm bởi những người hoặc nhóm người hành động thực tế theo các chỉ thị hoặc chịu sự chỉ đạo hay kiểm soát của Quốc gia đó; và
- d) các hành động vi phạm bởi những người hoặc nhóm người tư nhân mà Quốc gia đó công nhận và chấp nhận hành vi như của bản thân Quốc gia đó.

[XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 150.** Quốc gia chịu trách nhiệm về các vi phạm pháp luật nhân đạo quốc tế phải đền bù đầy đủ những mất mát hoặc thiệt hại gây ra. [XĐQT/XĐPQT]

### Trách nhiệm cá nhân

**Quy tắc 151.** Các cá nhân chịu trách nhiệm hình sự về những tội ác chiến tranh mà họ vi phạm. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 152.** Người chỉ huy và các cấp trên khác chịu trách nhiệm hình sự về những tội ác chiến tranh phạm phải do lệnh của họ. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 153.** Người chỉ huy và các cấp trên khác chịu trách nhiệm hình sự về những tội ác chiến tranh do cấp dưới vi phạm, nếu họ biết hoặc có lí do để biết rằng thuộc cấp sắp có hành động vi phạm hoặc đang vi phạm những tội ác như vậy mà không có mọi biện pháp cần thiết và thỏa đáng trong quyền hạn của mình để ngăn chặn những vi phạm đó hoặc để trừng phạt những vi phạm đó nếu những tội ác như vậy đã thực hiện. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 154.** Mọi chiến binh đều có bổn phận bất tuân một mệnh lệnh rõ ràng là bất hợp pháp. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 155.** Tuân theo một mệnh lệnh của cấp trên không miễn trách nhiệm hình sự cho một thuộc cấp nếu thuộc cấp đó biết rằng lệnh đó là bất hợp pháp hoặc hẳn phải biết là như vậy do tính chất rõ ràng bất hợp pháp của mệnh lệnh. [XĐQT/XĐPQT]

### Các tội ác chiến tranh

**Quy tắc 156.** Các vi phạm nghiêm trọng đối với luật pháp nhân đạo quốc tế cấu thành những tội ác chiến tranh. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 157.** Các Quốc gia có quyền ban cho toà án quốc gia của mình thẩm quyền tài phán toàn cầu đối với các tội ác chiến tranh. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 158.** Các Quốc gia phải tiến hành điều tra về những tội ác chiến tranh được cho là do các công dân hoặc lực lượng vũ trang của họ thực hiện, hoặc xảy ra trên lãnh thổ của họ, và truy tố các nghi can nếu cần thiết. Các Quốc gia cũng phải điều tra về những tội ác chiến tranh khác thuộc thẩm quyền tài phán của họ và truy tố các nghi can nếu cần thiết. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 159.** Khi chiến sự kết thúc, chính quyền đương nhiệm phải cố gắng ban hành lệnh ân xá càng rộng rãi càng tốt đối với những người đã tham gia một cuộc xung đột vũ trang phi quốc tế, hoặc đối với những người đã bị tước mất tự do vì những lí do liên quan đến cuộc xung đột, ngoại trừ những kẻ bị nghi ngờ, bị cáo buộc hoặc bị kết án vì những tội ác chiến tranh. [XĐPQT]

**Quy tắc 160.** Các điều khoản về thời hiệu không được áp dụng đối với các tội ác chiến tranh. [XĐQT/XĐPQT]

**Quy tắc 161.** Các Quốc gia phải nỗ lực để hợp tác với nhau trong chừng mực có thể, nhằm tạo sự dễ dàng cho việc điều tra các tội ác chiến tranh và truy tố các nghi can. [XĐQT/XĐPQT]

# INTERNATIONAL REVIEW of the Red Cross

The Review is printed in English and is published four times a year, in March, June, September and December.

Annual selections of articles are also published on a regional level in Arabic, Chinese, French, Russian and Spanish.

The articles published in the Review are available free of charge on-line at [www.icrc.org/eng/review](http://www.icrc.org/eng/review)

## Submission of manuscripts

The International Review of the Red Cross invites submissions of manuscripts on subjects relating to international humanitarian law, policy and action. Most issues focus on particular topics, decided by the Editorial Board, which can be consulted under the heading Future Themes on the website of the Review. Submissions related to these themes are particularly welcome.

Articles may be submitted in Arabic, Chinese, English, French, Russian and Spanish. Selected articles are translated into English if necessary.

Submissions must not have been published, submitted or accepted elsewhere. Articles are subjected to a peer-review process; the final decision on publication is taken by the Editor-in-Chief. The Review reserves the right to edit articles. Notification of acceptance, rejection or the need for revision will be given within four weeks of receipt of the manuscript. Manuscripts will not be returned to the authors.

Manuscripts may be sent by e-mail to: [review.gva@icrc.org](mailto:review.gva@icrc.org)

## Manuscript requirements

Articles should be 5,000 to 10,000 words in length. Shorter contributions can be published under the section Notes and comments.

For further information, please consult the Information for contributors and Guidelines for referencing on the website of the Review: [www.icrc.org/eng/review](http://www.icrc.org/eng/review).

## Subscriptions

The print run is limited. The Review is distributed to selected institutions and organizations. Further distribution is subject to availability.

Requests for subscriptions can be made to the following address:

International Committee of the Red Cross (ICRC)

Production, Multimedia  
and Distribution

19, Avenue de la Paix

CH - 1202 Geneva, Switzerland

f +41 22 730 27 68

e-mail: [shop.gva@icrc.org](mailto:shop.gva@icrc.org)

[www.icrc.org/eng/shop](http://www.icrc.org/eng/shop)

## ©icrc

Authorization to reprint or republish any text published in the Review must be obtained from the Editor-in-Chief. Requests should be addressed to the Editorial Team.

## Editorial Team

Editor-in-Chief: Toni Pfanner

Editorial assistant: Robin Geiss

Publication assistant: Marianne Pereda

International Review of the Red Cross

19, Avenue de la Paix

CH - 1202 Geneva, Switzerland

t +41 22 734 60 01

f +41 22 733 20 57

e-mail: [review.gva@icrc.org](mailto:review.gva@icrc.org)

# INTERNATIONAL REVIEW of the Red Cross

ICRC regional delegation  
20 Sukhumvit Road, Soi 4  
Soi Nana Tai  
BANGKOK 10110  
Tel.: +66 (0) 2251 0424  
Fax: +66 (0) 2253 5428  
E-mail: [bangkok.ban@icrc.org](mailto:bangkok.ban@icrc.org)  
[www.icrc.org](http://www.icrc.org)

